

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

SCI

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101405355 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28/12/2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 09/08/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 27.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2020)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: ...

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Trụ sở chính: Tầng 3 - Tháp C - Tòa nhà Golden Palace - Đường Mỹ Trì – Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3 768 4495 Fax: (84.24) 3 768 4490

Website: www.scigroup.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Phan Dương Mạnh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: 090.818.2332

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101405355 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28/12/2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 09/08/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- ❖ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần SCI
- ❖ Mã chứng khoán: S99
- ❖ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng chào bán: 10.197.446 cổ phiếu
- ❖ Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu
- ❖ Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 101.974.460.000 đồng (*Một trăm linh một tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*)
- ❖ Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 101.974.460.000 đồng (*Một trăm linh một tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Trụ sở chính: Tầng 14 tòa nhà Sudico đường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại: (024) 38.689.566/88 Fax: (024) 38.686.248

Web: www.kemtoanava.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.4456 8888 Fax: 024.3978 5380

Website: <https://ibsc.vn>

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro đặc thù	8
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	9
5. Rủi ro pha loãng	10
6. Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc tăng vốn	11
7. Rủi ro khác	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
1. Tổ chức phát hành	12
2. Tổ chức tư vấn.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	17
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.	24
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	24
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	25
7. Hoạt động kinh doanh	28
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	38
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	40
10. Chính sách đối với người lao động.....	42
11. Chính sách cổ tức	43
12. Tình hình tài chính.....	45
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng.....	52
14. Tài sản	66

15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	68
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	70
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	70
18.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành	70
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	70
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	71
1.	Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông	71
2.	Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu	71
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	71
4.	Giá chào bán dự kiến:.....	71
5.	Phương pháp tính giá:.....	71
6.	Phương thức phân phối.....	71
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu	72
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	73
9.	Phương thức thực hiện quyền.....	74
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	74
11.	Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng	75
12.	Các loại thuế có liên quan	76
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	76
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	76
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	84
1.	Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu	84
2.	Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	84
3.	Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:.....	87
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	89
1.	Tổ chức kiểm toán	89
2.	Tổ chức tư vấn.....	89
IX.	PHỤ LỤC	90

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán của Công ty.

1. Rủi ro về kinh tế

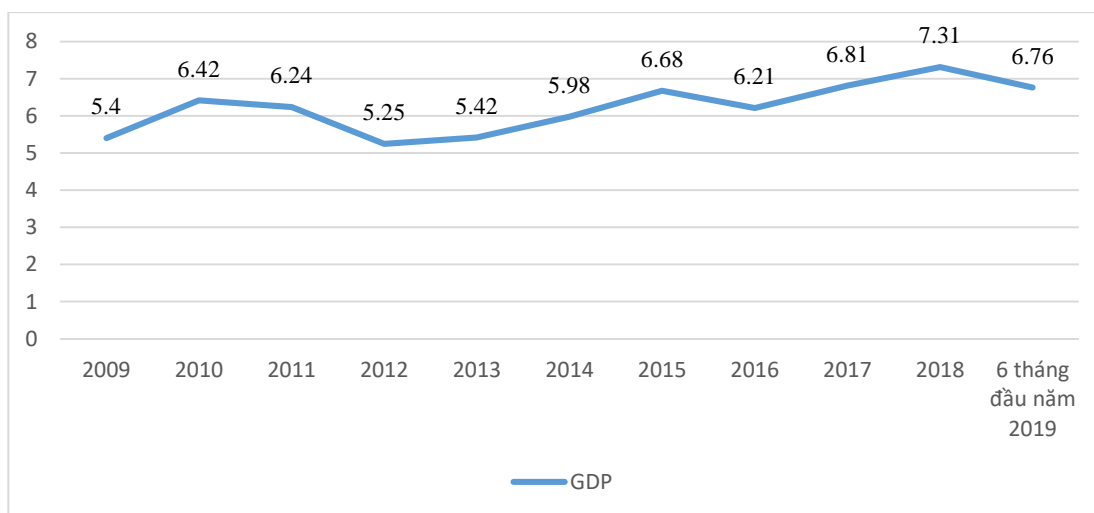
Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần SCI. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Biểu 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Kinh tế Việt Nam năm 2018 khởi sắc trên cả ba khu vực sản xuất, cung - cầu của nền kinh tế cùng song hành phát triển. Tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017 - mức tăng cao nhất 11 năm qua. Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh. Nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố và từng bước được tăng cường.

GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu 6,7% đặt ra là kết quả sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Xét về góc độ

sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017; tích lũy tài sản tăng 8,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%. CP cấu kinh tế của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch tích cực theo xu hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,57% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,28%; khu vực dịch vụ chiếm 41,17%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,98%.

GDP 6 tháng đầu năm 2019 tăng 6,76%, tuy thấp hơn mức tăng của 6 tháng đầu năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của 6 tháng các năm 2011-2017. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,39%, đóng góp 6% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,93%, đóng góp 51,8%; khu vực dịch vụ tăng 6,69%, đóng góp 42,2%.

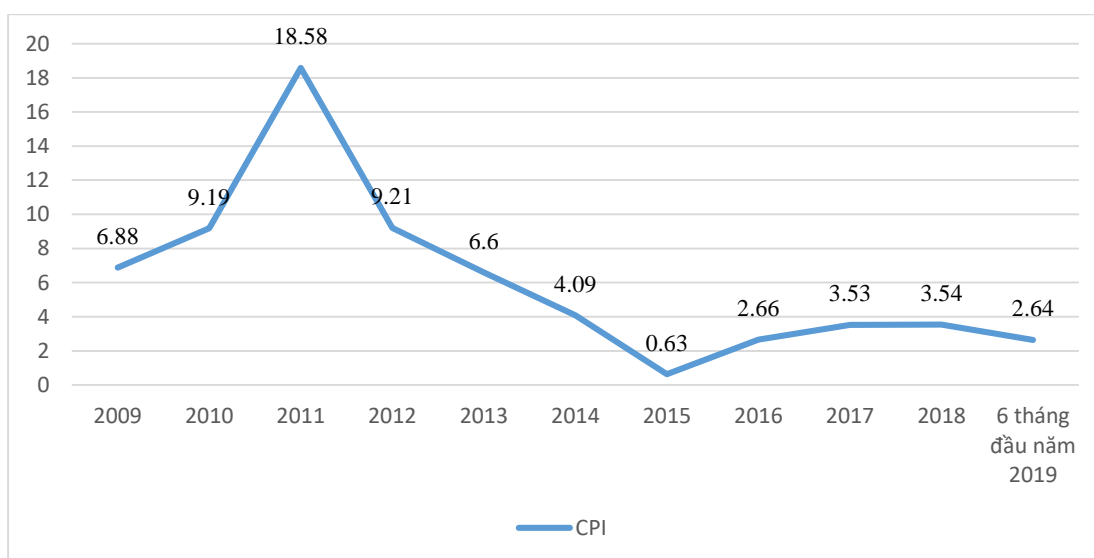
Với độ mở lớn cùng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, khó lường. Việc tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng của những biến động từ kinh tế thế giới phần nào cũng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp. Để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro này, Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển chủ động tìm kiếm thêm nguồn khách hàng và thị trường mới để đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm.

1.2 Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đã dần tìm kiếm được đà tăng của lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2010 – 2018 cụ thể như sau:

Biểu 2: Chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam qua các năm

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lạm phát các năm trở lại đây cơ bản đã được kiểm soát, CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra.

CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2019 tăng 2,64% so với bình quân cùng kỳ năm 2018; CPI tháng 6/2019 tăng 1,41% so với tháng 12/2018 và tăng 2,16% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động của các doanh nghiệp thi công, lắp đặt như Công ty Cổ phần SCI luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả nguyên vật liệu đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

1.3 Lãi suất

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2018 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 6-9% (ngắn hạn), 9-11% (dài hạn).

Trong năm 2018, NHNN tiếp tục kiên định với mục tiêu kiểm soát lạm phát (dưới 5%), ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý.

Tính đến thời điểm 18/6/2019, tổng phương tiện thanh toán tăng 6,05% so với cuối năm 2018 (cùng kỳ năm 2018 tăng 8,03%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 6,09% (cùng kỳ năm 2018 tăng 7,76%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 6,22% (cùng kỳ năm 2018 tăng 6,1%).

Ngân hàng Nhà nước đã điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ; các tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất cho vay hợp lý trên cơ sở lãi suất huy động và mức độ rủi ro của khoản vay, đảm bảo an toàn tài chính. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay về cơ bản ổn định, lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 6-9%/năm; 9-11% đối với trung và dài hạn. Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ; tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được tăng cường kiểm soát.

Công ty Cổ phần SCI có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần SCI chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Tuy nhiên, khung pháp lý luật pháp vẫn chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế và vẫn đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về biến động giá nhiên liệu đầu vào

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian vừa qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của những thay đổi giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào, Công ty luôn có bộ phận đánh giá nhận định về thị trường nguyên nhiên liệu để có chính sách kinh doanh phù hợp. Đồng thời trong hoạt động sản xuất, Công ty cũng xây dựng những khoản dự phòng cho những rủi ro này. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2. Rủi ro khoản phải thu khó đòi

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

3.3. Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.4. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,...đều gây ra ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt chào bán này, Công ty Cổ phần SCI dự kiến chào bán thêm 10.197.446 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 21:5 với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch của cổ phiếu S99 trên thị trường tính tại thời điểm xây dựng hồ sơ chào bán (ngày 16/8/2019) là 8.400 đồng/cổ phiếu. Như vậy, có thể xuất hiện rủi ro các cổ đông không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm thì số lượng cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với các điều kiện và tiêu chí lựa chọn như sau:

- ✓ Giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- ✓ Đáp ứng được tiêu chí lựa chọn: Là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực về tài chính hoặc có khả năng và nguồn lực mà Hội đồng quản trị Công ty xét thấy có thể đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh để mang lại lợi ích cho Công ty trong tương lai.
- ✓ Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu theo quy định về chào mua công khai được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- ✓ Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Công ty.
- ✓ Không được chào bán cho các đối tượng là công ty con của Công ty Cổ phần SCI.

Với các điều kiện và tiêu chí lựa chọn nêu trên, có thể xuất hiện rủi ro không chào bán hết được số lượng cổ phiếu còn dư cho các đối tượng khác. Trong trường hợp không phân phối hết cổ phiếu của đợt chào bán thì Công ty sẽ thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư. Số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

4.2 Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Công ty dự kiến sử dụng số tiền 101.974.460.000 đồng thu được từ đợt chào bán để đầu tư, góp vốn vào Công ty cổ phần SCI Lai Châu với mục đích triển khai các dự án thủy điện.

- ❖ Công ty cổ phần SCI Lai Châu hiện đang triển khai 03 dự án thủy điện với tổng công suất là 46MW:
 - Dự án Thủy điện Nậm Lụm 2: Thuộc địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu với công suất thiết kế là: 18MW, Tổng mức đầu tư là 628 tỷ đồng. Hiện công ty đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và các hạng mục công trình phụ.
 - Dự án Thủy điện Nậm Lụm 1: Thuộc địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu với công suất thiết kế là: 8MW, Tổng mức đầu tư là: 275 tỷ đồng. Dự án đã được UBND tỉnh Lai Châu cấp chủ trương đầu tư và đang tiến hành các thủ tục pháp lý để chuẩn bị cho việc khởi công dự kiến trong năm 2020.

- Dự án Thủy điện Nậm Xe: Thuộc địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu với công suất thiết kế là: 20MW, Tổng mức vốn đầu tư là 665 tỷ đồng. Dự án đã được UBND tỉnh Lai Châu cấp chủ trương đầu tư và đang tiến hành các thủ tục pháp lý để chuẩn bị cho việc khởi công dự kiến trong năm 2020.

❖ **Rủi ro của dự án:**

- Các dự án thủy điện nằm ở những vùng rừng núi vùng thượng lưu nên khi xây dựng cần phải khai quang một diện tích lớn để xây các công trình như: đường sá, đập, nhà máy, đường dây truyền tải. Việc mở đường để vận chuyển vật liệu khó khăn do địa hình hiểm trở, phức tạp. Bên cạnh đó, rủi ro lớn nhất đối với các dự án thủy điện trong giai đoạn chuẩn bị dự án là vấn đề giải phóng mặt bằng. Việc thuyết phục người dân địa phương, mà chủ yếu là đồng bào dân tộc thực hiện bàn giao mặt bằng nếu thực hiện thuận lợi sẽ góp phần thúc đẩy tiến độ dự án triển khai đúng kế hoạch.
- Sự biến đổi khí hậu: ảnh hưởng của những cơn mưa lớn, gây ra lũ quét, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công trình xây dựng.
- Số liệu khí tượng thủy văn phục vụ công tác vận hành còn thiếu và yếu, do mật độ trạm quan trắc của ngành khí tượng thủy văn còn mỏng, chất lượng dự báo chưa cao. Bên cạnh đó, hiện nay thời tiết biến đổi thất thường khiến cho việc dự báo lượng mưa, dòng chảy trở nên phức tạp hơn. Đặc biệt, khi xảy ra các hiện tượng thời tiết thất thường như El nino sẽ khiến cho hiện tượng nắng nóng kéo dài, khô hạn, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án thủy điện sau khi đi vào vận hành.

5. Rủi ro pha loãng

Theo kế hoạch triển khai của Công ty thì dự kiến đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ sẽ hoàn tất vào quý IV/2019.

Trong trường hợp chào bán thành công thì số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty dự kiến sẽ tăng từ 42.829.277 cổ phiếu lên 53.026.723 cổ phiếu. Các nhà đầu tư nên lưu ý các vấn đề sau liên quan đến mức độ pha loãng cổ phần:

5.1. Pha loãng về thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của Công ty với tốc độ tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành có thể ảnh hưởng đến chỉ số EPS, cụ thể như sau:

$$\text{EPS (cơ bản)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ = $(X \times 12 + Y \times T) / 12$
- ✓ X: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán

- ✓ Y: Số lượng cổ phiếu chào bán
- ✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả sử ngày hoàn tất đợt chào bán này là ngày 31/10/2019. Khi đó:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ = $(42.829.277 \times 12 + 10.197.446 \times 2)/12 = 44.528.851$ cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế dự kiến của Công ty năm 2019: 55.282.400.000 đồng.

- EPS dự kiến của năm 2019 trong trường hợp không chào bán thêm cổ phiếu: $55.282.400.000/42.829.277 = 1.291$ đ/cổ phiếu
- EPS dự kiến của năm 2019 sau khi hoàn tất việc chào bán cổ phiếu: $55.282.400.000/44.528.851 = 1.241$ đ/cổ phiếu

Như vậy, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu sau khi Công ty chào bán cổ phiếu có thể giảm 50 đồng (tương ứng giảm 4%) so với khi Công ty không chào bán thêm cổ phiếu.

5.2. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

Tại thời điểm 31/12/2018, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 16.936 đồng. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

5.3. Điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu S99 trên thị trường

Giá cổ phiếu S99 sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật trên thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Giá thị trường của cổ phiếu S99 sẽ được điều chỉnh theo công thức sau: $Ppl = (Pt + Pr \times I)/(1 + I)$; Trong đó:

- Ppl: Giá cổ phiếu pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- Pt: Giá cổ phiếu S99 tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- Pr: 10.000 đồng/cổ phiếu (Giá chào bán đối với người có quyền mua cổ phiếu)
- I: Tỷ lệ vốn tăng do phát hành quyền mua cổ phiếu

Giả định giá thị trường của cổ phiếu S99 tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 12.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 21:5 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu S99 sau khi pha loãng là:

$(12.000 + 10.000 \times 5/21)/(1 + 5/21) = 11.610$ đồng/cổ phiếu

5.4. Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc tăng vốn

6.1 Rủi ro về quản trị Công ty

Quản trị công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty.

Chủ trương của Công ty khi tăng vốn là phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết lượng cổ phiếu phát hành thêm là điều có thể xảy ra.

Khi đó, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ do HĐQT Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp. Sự tham gia của các cổ đông mới sẽ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu, xuất hiện những quan điểm khác biệt trong quản trị điều hành và có thể phát sinh các xung đột lợi ích dẫn đến việc quản trị điều hành Công ty gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.

6.2 Rủi ro về cơ chế quản lý

Cơ chế quản lý của Công ty hiện được xây dựng dựa trên quy mô vốn điều lệ hiện tại với các ngành nghề sản xuất kinh doanh truyền thống. Việc tăng vốn lên sẽ tạo nên những áp lực lớn hơn, đòi hỏi Công ty có thể phải điều chỉnh định hướng hoạt động và mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh để đem lại hiệu quả tương ứng với quy mô vốn mới. Khi đó, Công ty có thể gặp rủi ro trong quá trình triển khai hoạt động do cơ chế quản lý cũ không theo kịp với yêu cầu phát triển mới. Điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và sự phát triển của Công ty trong tương lai.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi của chính sách tiền tệ, cơ chế thanh toán, lãi vay, phí và các điều kiện ràng buộc của ngân hàng, kho bạc Nhà nước cũng tạo nên các rủi ro bất khả kháng cho doanh nghiệp.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Ông: Nguyễn Công Hùng

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Nguyễn Văn Phúc

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: Phan Dương Mạnh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán IB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần SCI. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần SCI cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần SCI
Công ty	Công ty Cổ phần SCI
S99	Công ty Cổ phần SCI
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
TTCK	Thị trường chứng khoán
Giấy CNĐKKD	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
CTCP	Công ty cổ phần
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐVT	Đơn vị tính
VNĐ	Việt Nam Đồng

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

- Công ty Cổ phần SCI (Trước đây là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 903 - thuộc Công ty Sông Đà 9 - Tổng Công ty Sông Đà (Xí nghiệp Sông Đà 903 được thành lập theo Quyết định số 15 CT/TCHC ngày 20/11/1998 của Giám đốc Công ty Sông Đà 9).
- Sau gần 5 năm hoạt động, Xí nghiệp Sông Đà 903 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần, theo Quyết định số 995/QĐ-BXD ngày 25/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng V/v: chuyển Xí nghiệp Sông Đà 903 thuộc Công ty Sông Đà 9, thành Công ty cổ phần Sông Đà 909, với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 3 tỷ đồng.
- Quá trình hoạt động và phát triển, Công ty cổ phần SCI đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên mức gần 430 tỷ đồng và đảm nhận thi công nhiều công trình công nghiệp và dân dụng trên khắp mọi miền đất nước như:
- Xây dựng các nhà máy thủy điện Nam Theun 1 (Lào), Thủy điện Lai Châu, Sơn La, Tuyên Quang, Sê San3, Playkrông, Thủy điện Nậm Xe, Thủy điện Mường Luân; công trình đường Hồ Chí Minh, đường quốc lộ 1A, Công trình đường Nam Quảng Nam, Công trình bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp cơ sở 2 Hải Phòng, Công trình đường giao thông Long Phú tỉnh Sóc Trăng,
- Bên cạnh đó, Hiện nay, Công ty cổ phần SCI còn thực hiện đầu tư các dự án Năng lượng như: Thủy điện Canan 1 và Canan 2, Thủy điện Nậm Lùm 1 và Nậm Lùm 2, Thủy điện Nậm Xe. Ngoài ra, Công ty cũng đang triển khai đầu tư một số dự án điện gió tại tỉnh Quảng Trị.

1.2. Giới thiệu về Công ty

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
Tên viết tắt:	SCI.,JSC
Tên tiếng Anh:	SCI Joint stock Company
Trụ sở chính:	Tầng 3 - Tháp C - Tòa nhà Golden Palace - Đường Mỹ Trì – Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Tp. Hà Nội
Giấy CNĐKKD:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101405355 do sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09/08/2019
Vốn điều lệ:	428.292.770.000 đồng
Vốn thực góp:	428.292.770.000 đồng
Điện thoại:	(84.24) 3768 4495 Fax: (84.24) 3768 4490
Website:	www.scigroup.vn
Email:	sci@scigroup.vn



Logo:

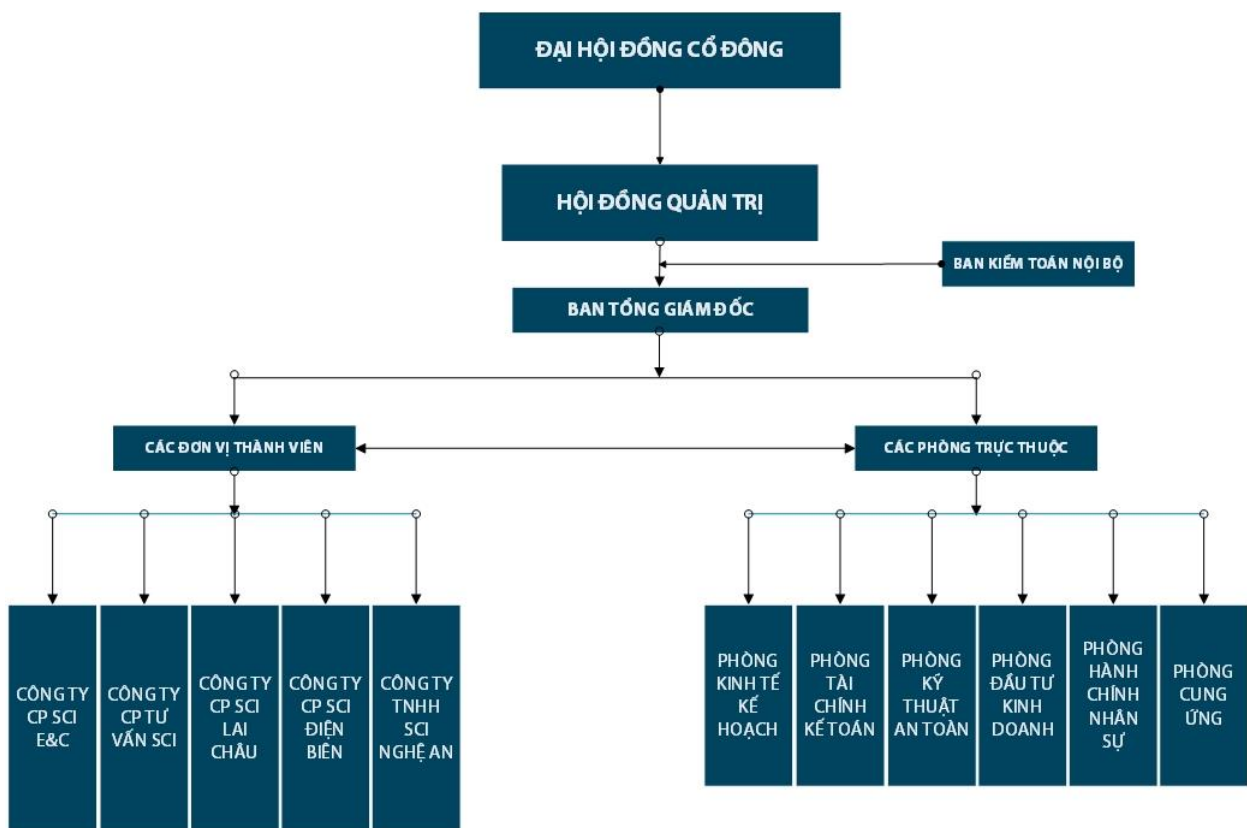
Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28/12/2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 09/08/2019 ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Tên ngành nghề
1	- Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, buro điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm các loại;
2	- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
3	- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác;
4	- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng;
5	- Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
6	- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
7	- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;
8	- Kinh doanh bất động sản;
9	- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
10	- Sửa chữa ô tô, các loại máy xây dựng. Gia công cơ khí, sản xuất kinh doanh phụ tùng ô tô, máy xây dựng;
11	- Nuôi trồng, chế biến nông lâm thủy hải sản, thực phẩm (trừ loại nhà nước cấm);
12	- Chuyển giao công nghệ, đầu tư, vận hành, kinh doanh khai thác các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
13	- Hoạt động xuất khẩu lao động;
14	- Kinh doanh dịch vụ Bất động sản;

15	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ sàn giao dịch Bất động sản; <ul style="list-style-type: none"> ❖ Dịch vụ môi giới Bất động sản (chỉ hoạt động tại sàn giao dịch Bất động sản của Công ty) ❖ Dịch vụ định giá Bất động sản (chỉ hoạt động tại sàn giao dịch Bất động sản của Công ty) ❖ Dịch vụ tư vấn Bất động sản; ❖ Dịch vụ Đấu giá Bất động sản; ❖ Dịch vụ quảng cáo Bất động sản; ❖ Dịch vụ quản lý Bất động sản;
----	--

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con.

❖ CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Địa chỉ: Tầng 3, Tháp C, Tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Tel: (84-24) 3768 4495 - Fax: (84-24) 3768 4490

Email: sci@groupsci.vn

Website: www.scigroup.vn

❖ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

✚ CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Địa chỉ: Tầng 3, Tháp C, Tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Tel: (84-24) 33 868243 / Fax: (84-24) 33 719 676

Email: enc@scigroup.vn

Vốn góp của Công ty cổ phần SCI: 71.366.250.000 VND (tại thời điểm 30/09/2019)

Tỷ lệ sở hữu: 60,50%

✚ CÔNG TY CỔ PHẦN SCI LAI CHÂU

Địa chỉ: Thôn Tây Sơn, xã Mường So, Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Tel: 0968 856 935

Email: lc@scigroup.vn

Vốn góp của Công ty cổ phần SCI: 157.550.000.000 VND (tại thời điểm 30/09/2019)

Tỷ lệ sở hữu: 99,96%

✚ CÔNG TY CỔ PHẦN SCI ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Số 209a, Tổ 10, phường Thanh Trường, Tp. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Tel: 0968 856 935

Email: db@scigroup.vn

Vốn góp của Công ty cổ phần SCI: 1.270.000.000 VND (tại thời điểm 30/09/2019)

Tỷ lệ sở hữu: 99,94 %

✚ CÔNG TY TNHH SCI NGHỆ AN

Địa chỉ: Bản Huồi Thờ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (84-38) 3751126 - Fax: (84-38) 3751126

Email: na@scigroup.vn

Vốn góp của Công ty cổ phần SCI: 118.749.826.215 VND (tại thời điểm 30/09/2019)

Tỷ lệ sở hữu: 51%

✚ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SCI

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Tel: (84-24) 3768 4495 / Fax: (84-24) 3768 4490

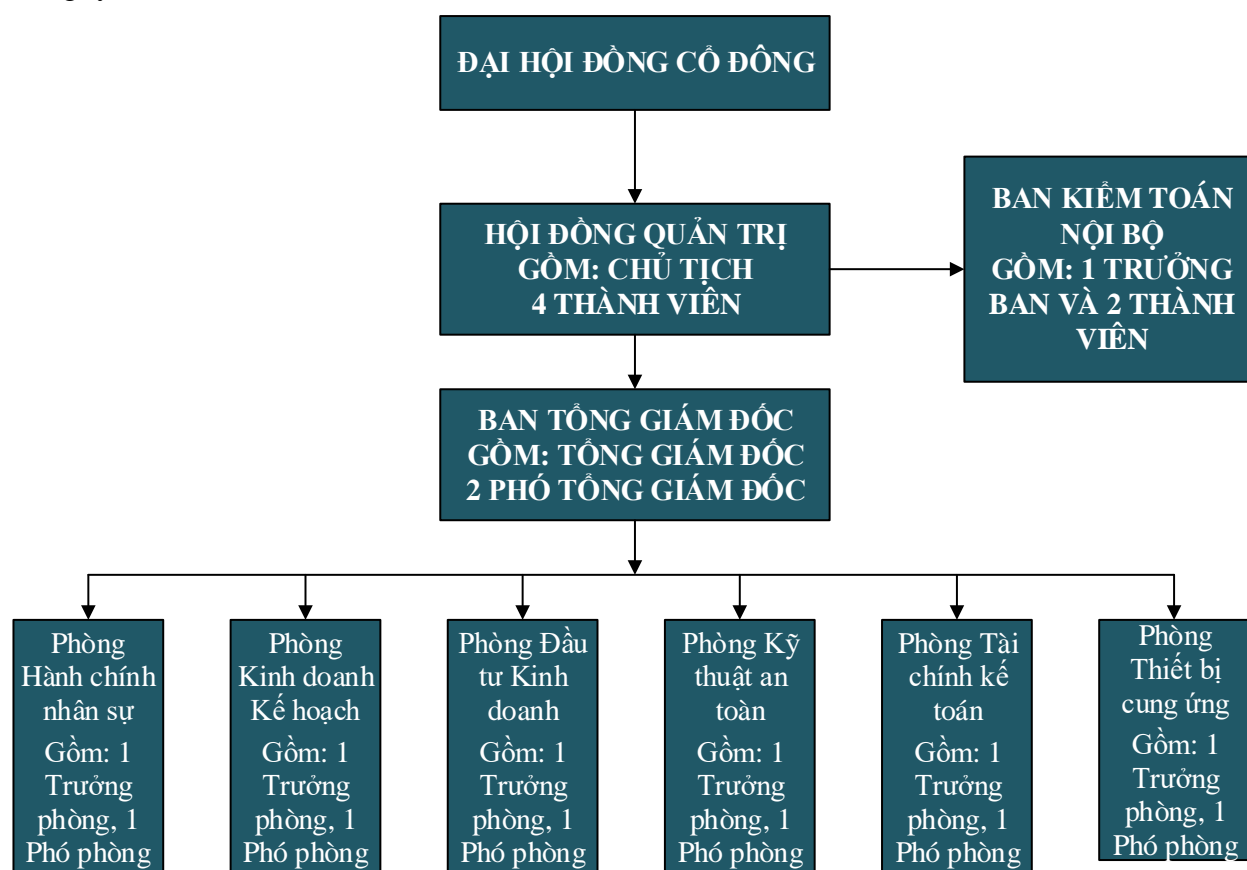
Email: pmc@scigroup.vn

Vốn góp của Công ty cổ phần SCI: 6.500.000.000 VND (tại thời điểm 30/09/2019)

Tỷ lệ sở hữu: 65%

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần SCI được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Tổng giám đốc. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.



3.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính năm, dự toán cho năm tài chính tiếp theo của Công ty và quyết định những vấn đề khác được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- ❖ Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- ❖ Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

- Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3.2. Hội đồng quản trị

- ❖ Thành viên Hội đồng quản trị: Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần SCI có 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

Ông: Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Văn Phúc	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Chính Đại	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: Đoàn Thế Anh	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Minh Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị

- ❖ Chức năng nhiệm vụ của HĐQT: Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;

- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông ;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.3. Ban kiểm toán nội bộ

- ❖ Thành viên Ban kiểm toán nội bộ: Hiện tại Ban kiểm toán nội bộ của Công ty Cổ phần SCI có 03 thành viên. Cơ cấu Ban kiểm toán đương nhiệm:

Ông: Nguyễn Minh Hùng	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
Ông: Quách Thị Thanh Thủy	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ
Ông: Quán Thanh Sơn	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ

- ❖ Chức năng, nhiệm vụ của ban kiểm toán nội bộ:

- Tham mưu, trợ giúp cho Hội đồng quản trị trong việc giám sát tính trung thực các báo cáo tài chính của Công ty, sự phù hợp chế độ tài chính, chuẩn mực kế toán và tuân thủ theo quy định của pháp luật tại Công ty;
- Giám sát năng lực và tính độc lập của kiểm toán độc lập, thảo luận và xem xét kết quả kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cùng Kế toán trưởng và Kiểm toán độc lập;
- Quản lý, giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3.4. Ban Tổng Giám đốc Công ty

- ❖ Ban Tổng Giám đốc đương nhiệm bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Ông: Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ông: Phạm Văn Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Chức năng nhiệm vụ Ban Tổng Giám đốc: là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có các nhiệm vụ sau:
 - Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - Vào ngày 30/11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty

3.5. Kế toán trưởng:

Ông: Phan Dương Mạnh

Kế Toán Trưởng

- ❖ Chức năng nhiệm vụ của kế toán trưởng:
 - Tổ chức, kiểm tra công tác kế toán ở đơn vị do mình phụ trách. Với chức năng này, kế toán trưởng là người giúp việc cho giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho giám đốc điều hành.
 - Tổ chức bộ máy kế toán trên cơ sở xác định đúng khối lượng công việc của công tác kế toán nhằm thực hiện hai chức năng cơ bản của kế toán là: thông tin và kiểm tra hoạt động kinh doanh.

- Điều hành và kiểm soát hoạt động của bộ máy kế toán, tài chính của đơn vị, chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn kế toán, tài chính của đơn vị

3.6. Các phòng ban/xí nghiệp khác

Các phòng ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc được hiệu quả và đúng luật, cụ thể:

🚩 Phòng Hành chính nhân sự:

Là bộ phận giúp việc Tổng Giám đốc thực hiện các chức năng quản lý công tác hành chính và công tác nhân sự, bao gồm các lĩnh vực sau:

- Công tác tổ chức tuyển dụng, đào tạo và quản lý nhân sự;
- Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và chế độ của người lao động;
- Công tác hành chính văn phòng, quản trị mạng, website của Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu công việc hoặc do Ban lãnh đạo giao.

Trưởng phòng Hành chính nhân sự: quản lý, tổ chức và phân công hoạt động nghiệp vụ của phòng. Chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về chức năng nhiệm vụ của phòng.

🚩 Phòng Kinh tế kế hoạch

Là bộ phận chức năng giúp việc Tổng Giám đốc quản lý và thực hiện các công việc sau:

- Công tác kinh tế;
- Công tác hợp đồng kinh tế;
- Quản lý công tác kế hoạch;
- Công tác quản lý kế hoạch chi phí. kế hoạch giá thành, thanh quyết toán.

Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch: quản lý, tổ chức và phân công hoạt động nghiệp vụ của phòng. Chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về chức năng nhiệm vụ của phòng.

🚩 Phòng Đầu tư kinh doanh:

Là bộ phận chức năng giúp việc Tổng Giám đốc quản lý và thực hiện các công việc cụ thể sau:

- Công tác đầu tư và quản lý dự án;
- Công tác đấu thầu, tiếp thị;
- Công tác kinh doanh;
- Công tác pháp chế;
- Công tác quản trị rủi ro;

Trưởng phòng Đầu tư kinh doanh: quản lý, tổ chức và phân công hoạt động nghiệp vụ của phòng. Chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về chức năng nhiệm vụ của phòng.

🚩 Phòng Kỹ thuật an toàn:

Là bộ phận chuyên môn chức năng giúp Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực cụ thể sau:

- Chủ trì tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng, tiến độ, công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh công nghiệp tại các công trình/dự án;

- Theo dõi báo cáo về khối lượng, tiến độ thi công và chất lượng các công trình; Quản lý khối lượng thực hiện, khối lượng đã nghiệm thu thanh toán, khối lượng dở dang, khối lượng còn phải tiếp tục thực hiện tại các công trình;
- Nghiên cứu, đề xuất và triển khai việc ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, trong quản lý điều hành;
- Chủ trì trong việc duy trì và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.. ở Cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc sau khi được phê duyệt;
- Phối hợp với các phòng ban chức năng công ty lập các cân đối về xe máy thiết bị thi công trong tháng, quý, năm;
- Lập, trình duyệt hồ sơ chuẩn bị thi công các công trình;
- Thực hiện và đảm bảo các chế độ về an toàn và bảo hộ lao động đối với người lao động trong toàn công ty;
- Phối hợp với các phòng ban chức năng tham gia lập hồ sơ dự thầu các dự án, công trình mà Công ty tham dự;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Tổng Giám đốc yêu cầu.

Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn: quản lý, tổ chức và phân công hoạt động nghiệp vụ của phòng. Chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về chức năng nhiệm vụ của phòng.

Phòng Thiết bị cung ứng:

Là bộ phận giúp Tổng Giám đốc thực hiện các lĩnh vực, công tác cụ thể sau:

- Chức năng quản lý thiết bị, cơ giới: Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị và tài sản công cụ dụng cụ của công ty. Bao gồm quản lý về hồ sơ, quản lý số lượng, chất lượng trong quá trình khai thác sử dụng.
- Chức năng cung ứng, quản lý vật tư phụ tùng: Chủ trì cung ứng kiểm soát nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thiết bị nhập về đúng số lượng, chủng loại chất lượng. Quản lý điều phối, đưa vào sử dụng nhiên liệu, vật tư phụ tùng đang có tại các kho của công ty hợp lý và có hiệu quả.

Trưởng phòng Thiết bị cung ứng: quản lý, tổ chức và phân công hoạt động nghiệp vụ của phòng. Chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về chức năng nhiệm vụ của phòng.

Phòng Tài chính kế toán:

Là bộ phận Tham mưu cho Tổng Giám đốc quản lý các lĩnh vực sau:

- Công tác tài chính;
- Công tác kế toán ;
- Công tác kiểm toán độc lập, nội bộ;
- Công tác quản lý tài sản, quản lý vốn;
- Công tác thanh quyết toán hợp đồng kinh tế;
- Kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty;
- Tổ chức, chỉ đạo công tác kế toán trong toàn Công ty.

Trưởng phòng Tài chính kế toán: quản lý, tổ chức và phân công hoạt động nghiệp vụ của phòng. Chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về chức năng nhiệm vụ của phòng.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty:

Công ty cổ phần SCI không có cổ đông nào nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty (Theo danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 04/07/2019)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực):

Công ty cổ phần SCI đi vào hoạt động từ ngày 19/08/2003. Theo Luật Doanh nghiệp, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

Bảng 01: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 04/07/2019

TT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông tổ chức	29	6.321.037	14,76%
	- Trong nước	28	6.320.832	14,76%
	- Nước ngoài	1	205	0%
2	Cổ đông cá nhân	2.210	36.508.240	85,24%
	- Trong nước	2.161	36.178.796	84,47%
	- Nước ngoài	49	329.444	0,77%
TỔNG CỘNG		2.239	42.829.277	100%
<i>Trong đó: -Trong nước</i>		<i>2.189</i>	<i>42.499.628</i>	<i>99,23%</i>
<i>- Nước ngoài</i>		<i>50</i>	<i>329.649</i>	<i>0,77%</i>

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 04/07/2019)

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

5.1. Công ty mẹ:

Không có

5.2. Các Công ty con, các Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Tên Công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần SCI E&C	60,5%
Công ty TNHH SCI Nghệ An	51%
Công ty cổ phần SCI Lai Châu	99,96%
Công ty cổ phần SCI Điện Biên	99,94%
Công ty cổ phần Tư vấn SCI	65%

Nguồn: Công ty cổ phần SCI

5.3. Các Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành
Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

- ❖ Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ cùng với phát triển mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh qua các năm như sau:

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Thành lập 19/08/2003	3.000.000	-	Vốn góp ban đầu	Giấy CNĐKKD số 0103002768 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 19/8/2003
Năm 2005	5.000.000	2.000.000	Tăng vốn cổ phần	Giấy CNĐKKD số 0303000680 do Sở KHĐT tỉnh Hà Tây cấp ngày 29/08/2005
Năm 2007	15.000.000	10.000.000	- Phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu - Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Giấy CNĐKKD số 0303000680 do Sở KHĐT Hà Tây cấp ngày 29/03/2007 - Giấy CNĐKKD số 0103021586 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 28/12/2007
Năm 2008	29.739.700	14.739.700	- Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 96% - Phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 4%	Giấy CNĐKKD số 0103021568 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 18/06/2008
Năm 2009	44.479.400	14.739.700	- Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 40% - Phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 10%	- Giấy CNĐKKD số 0103021586 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 01/06/2009
07/05/2010	80.000.000	35.520.600	- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 4:3 - Chào bán cho CBCNV	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/S99/-ĐHCD-NQ ngày 10/12/2009 - Giấy chứng nhận CBCP số 502/UBCK -GCN do UBCKNN cấp ngày 25/01/2010

				- Giấy CNĐKKD số 0101405355 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp ngày 14/06/2010
05/01/2011	99.989.600	19.989.600	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2009 tỷ lệ 18% - Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 7%	- Giấy chứng nhận CBCP số 743/GCNCB-UBCKNN do UBCKNN cấp ngày 29/11/2010 - Giấy CNĐKKD số 0101405355 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28/12/2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 16/08/2012
10/07/2012	124.969.290	24.979.690	- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2010 tỷ lệ 15% - Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 10%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/S99/NQ-ĐHĐCĐ -NQ ngày 09/05/2012; - Giấy CNĐKKD số 0101405355 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28/12/2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 22/01/2013
03/04/2015	370.000.000	245.030.710	- Chào bán cổ phiếu ra công chúng tỷ lệ 1:2 - Chào bán cho cán bộ CNV	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/S99-ĐHĐCĐ - NQ ngày 24/07/2014. - Giấy chứng nhận CBCP số 02/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/1/2015. - Giấy CNĐKKD số 0101405355 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28/12/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 25/10/2016
15/08/2016	388.491.390	18.491.390	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 tỷ lệ 5%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 30/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2016;

				- Giấy CNĐKKD số 0101405355 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28/12/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 25/10/2016
05/11/2018	407.907.140	19.415.750	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 tỷ lệ 5%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 30/2018/NQ-SCI-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2019; - Công văn chấp thuận kết quả phát hành của UBCKNN số 7457/UBCK-QLCB ngày 06/11/2018. - Giấy CNĐKKD số 0101405355 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28/12/2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 01/03/2019
10/07/2019	428.292.770	20.385.630	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 tỷ lệ 5%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 14/2019/NQ-SCI-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2019 - Công văn chấp thuận kết quả phát hành của UBCKNN số: 4335/UBCK-QLCB ngày 15/07/2019 - Giấy CNĐKKD số 0101405355 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28/12/2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 09/08/2019

❖ Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất:

Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ

124.696.290.000 VND lên 370.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần SCI phù hợp với cơ sở kiểm toán thực thu (Chi tiết theo báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm).

Nội dung sử dụng vốn	Chi tiết	Phương án sử dụng vốn			Kết quả sử dụng vốn
		Số dự kiến sử dụng (VND)	Số tiền đã sử dụng (VND)	Số tiền chưa sử dụng (VND)	
Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty liên kết, các công ty có ngành nghề tương đồng nhằm nâng cao quy mô, năng lực và hiệu quả hoạt động	Đầu tư mua trên 5% cổ phần của Công ty CP Hạ tầng FECON để trở thành cổ đông lớn	40.000.000.000	37.000.000.000	3.000.000.000	Đã hoàn thành phương án. Phần vốn không sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty
	Đầu tư mua trên 51% cổ phần của Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (SICCO) để trở thành công ty mẹ	65.000.000.000	62.056.250.000	2.943.750.000	Đã hoàn thành phương án. Phần vốn không sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty
	Đầu tư mua trên 20% cổ phần của Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Điện lực (POTRACO) để trở thành công ty liên kết	20.000.000.000	18.048.000.000	1.952.000.000	Đã hoàn thành phương án. Công ty đã bán khoản đầu tư này. Phần vốn không sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty
Đầu tư mua trên 20% giá trị phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Dịch vụ XKLĐ và Chuyên gia (SULECO) để trở thành công ty liên kết	Đầu tư mua trên 20% giá trị phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Dịch vụ XKLĐ và Chuyên gia (SULECO) để trở thành công ty liên kết	25.000.000.000	20.072.350.000	4.927.650.000	Đã hoàn thành phương án. Công ty đã bán khoản đầu tư này. Phần vốn không sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty
	Danh mục đầu tư máy móc thiết bị do HĐQT Công ty quyết định	40.000.000.000	20.878.111.541	19.121.888.459	Phần vốn không sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty
Đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông và hạ tầng theo định hướng tái cơ cấu hoạt động của Công ty					
Bổ sung vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính phục vụ kế hoạch tái cơ cấu hoạt động của Công ty		55.030.710.000	86.975.998.459	(31.945.288.459)	Phần vốn đầu tư còn lại sau khi đã thực hiện các phương án trên được sử dụng để bổ sung vốn lưu động
Cộng		245.030.710.000	245.030.710.000	-	

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Các hoạt động kinh doanh chính

❖ Sản phẩm dịch vụ chính

Công ty Cổ phần SCI hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện, nhiệt điện, điện mặt trời, điện gió và các công trình dân dụng, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ các hoạt động này.

- Lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện

Công ty đã tham gia xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu, thủy điện Hòa Na, thủy điện Nậm Khánh, thủy điện Bảo Lâm 3, thủy điện Bắc Mê, thủy điện Tuyên Quang, thủy điện Pleikrong, thủy điện Bản Vẽ, thủy điện Sê San 4, thủy điện Nậm Chiến, Nhiệt điện Long Phú 1, Nhiệt điện Vũng Áng, Nhiệt điện Mông Dương 2, Điện mặt trời Gelex Ninh Thuận.

- Lĩnh vực giao thông

Các công trình giao thông mà Công ty đảm nhận thi công bao gồm: Đường giao thông đến trung tâm xã Trinh Phú, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 - Xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn - Túy Loan, Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A - Đoạn Phú Yên, Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Dự án đường từ Vành đai 3 đến đường Láng Hòa Lạc, Dự án nâng cấp tỉnh lộ 176, đoạn bắc cầu Bợ đến nam thị trấn Chiêm Hóa, Dự án đường Nam Quảng Nam (Quốc lộ 40B), Dự án đường giao thông tránh ngập khi xây dựng thủy điện Sơn La - TL127, Dự án đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông...

- Các lĩnh vực khác

Hiện nay, Công ty tham gia thi công trong các lĩnh vực khác như: Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Hải Phòng (Cơ sở 2 - Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp); Dự án nhà máy nước

Nghi Xuân, Dự án khai thác và chế biến khoáng sản mỏ Núi Pháo, Dự án nhà máy xi măng Hạ Long...

Bên cạnh các hoạt động xây dựng, Công ty cổ phần SCI cũng tham gia đầu tư vào các dự án thủy điện tiềm năng như Thủy điện Canan 1, Canan 2, Thủy điện Nậm Lùm 1, 2, Thủy điện Nậm Xe và một số dự án điện năng khác...

7.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển một số dự án của Công ty

❖ Về thi công xây lắp.

✚ *Hợp đồng thi công thủy điện Nam Theun 1:*

- Hoàn thành thi công hồ móng vai phải trong Quý I/2019;
- Mỏ đá: Đáp ứng theo tiến độ cung cấp đá của hợp đồng.

✚ *Hợp đồng tổng thầu Dự án Trang trại điện mặt trời GELEX - Ninh Thuận.*

- Hoàn thành xây dựng, lắp đặt thiết bị, thử nghiệm, chạy thử và đưa vào vận hành nhà máy Trang trại điện mặt trời Gelex Ninh Thuận vào tháng 5 năm 2019 (Theo Hợp đồng là 15/6/2019).

❖ Về sản xuất công nghiệp.

- Hoàn thành toàn bộ công tác đầu tư xây dựng, đưa vào vận hành và duy trì sản xuất ổn định tại các dự án Xây dựng nhà máy thủy điện Ca Nan 1 và Ca Nan 2.

❖ Về đầu tư dự án.

✚ *Dự án Nhà máy thủy điện Ca Nan 1 và Canan 2.*

- Dự án nhà máy thủy điện Canan 2 đã hoàn thành và phát điện thương mại trong tháng 10/2018 với Công suất lắp máy là: 16 MW
- Dự án nhà máy thủy điện Canan 1 đã hoàn thành và phát điện thương mại trong tháng 4 năm 2019 với Công suất lắp máy là: 7MW
- Hiệu quả đầu tư 02 dự án:
 - Doanh thu dự kiến (Chưa tính đến yếu tố tăng giá bán điện): 120 Tỷ Đồng/Năm. Trong đó Doanh thu phát điện lũy kế từ đầu năm đến hết 30/06/2019: 40,6 Tỷ Đồng
 - Chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của Dự án: NPV: 324 Tỷ đồng, IRR: 13,7%

✚ *Dự án Thủy điện Nậm Lùm 1.*

- Triển khai các thủ tục pháp lý cho Dự án.
 - Hoàn thành cấp chủ trương đầu tư trong quý II năm 2019.
 - Hoàn thành bổ sung quy hoạch lưới, thỏa thuận đấu nối, đánh giá tác động môi trường của dự án trong quý III năm 2019.
 - Hoàn thành ký kết hợp đồng tín dụng trong quý IV năm 2019.
- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng: Hoàn thành trong quý IV năm 2019.

- Công tác thiết kế.
 - Hoàn thành phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi trong Quý III năm 2019.
 - Chủ động triển khai thiết kế đường thi công vận hành, đường điện phục vụ thi công, các hạng mục lán trại phụ trợ, và đường dây đầu nối phù hợp với tiến độ dự án.
- Công tác thi công xây lắp: Khởi công công trình vào quý IV năm 2019, bám sát mục tiêu phát điện vào quý II năm 2022.
- Công suất lắp máy: 8 MW
- Hiệu quả đầu tư dự án:
 - Doanh thu dự kiến (Chưa tính đến yếu tố tăng giá bán điện): 31.6 Tỷ đồng
 - Chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của Dự án: NPV: 55 Tỷ đồng, IRR: 12.2%

Dự án Thủy điện Nậm Lùm 2.

- Triển khai các thủ tục pháp lý cho Dự án.
 - Hoàn thành thỏa thuận đầu nối, cấp điều chỉnh chủ trương đầu tư trong quý I năm 2019,
 - Hoàn thành đánh giá tác động môi trường của dự án trong quý II năm 2019.
 - Hoàn thành ký kết hợp đồng tín dụng trong quý II năm 2019.
- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng.
 - Hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng trong quý II năm 2019, đảm bảo có mặt bằng để triển khai thi công.
- Công tác thiết kế.
 - Hoàn thành phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi trong Quý I năm 2019; phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật trong Quý II năm 2019.
 - Công tác thiết kế bản vẽ thi công đáp ứng tiến độ thi công công trình.
- Công tác thi công xây lắp: Khởi công công trình vào quý II năm 2019, dự kiến phát điện vào quý IV năm 2021.
- Công suất lắp máy: 18 MW
- Hiệu quả đầu tư dự án:
 - Doanh thu dự kiến (Chưa tính đến yếu tố tăng giá bán điện): 78.2 Tỷ đồng
 - Chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của Dự án: NPV: 181 Tỷ đồng , IRR: 13.2%

Dự án Thủy điện Nậm Xe.

- Triển khai các thủ tục pháp lý cho Dự án.
 - Hoàn thành bổ sung quy hoạch lưới, thỏa thuận đầu nối, trong quý II năm 2019.
 - Hoàn thành đánh giá tác động môi trường của dự án trong quý III năm 2019.
 - Hoàn thành ký kết hợp đồng tín dụng trong quý IV năm 2019.

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng: Hoàn thành trong năm 2019.
- Công tác thiết kế.
 - Hoàn thành phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi trong Quý III năm 2019.
 - Chủ động triển khai thiết kế đường thi công vận hành, đường điện phục vụ thi công, các hạng mục lán trại phụ trợ, và đường dây đầu nối phù hợp với tiến độ dự án.
 - Hoàn thành thiết kế kỹ thuật, trình thẩm định trong Quý IV năm 2019.
- Công suất lắp máy: 20 MW
- Hiệu quả đầu tư dự án:
 - Doanh thu dự kiến (Chưa tính đến yếu tố tăng giá bán điện): 91.5 Tỷ đồng,
 - Chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của Dự án: NPV: 170 Tỷ đồng , IRR: 13%.

🚧 Dự án điện gió tại Quảng Trị.

- Triển khai công tác lắp dựng trạm quan trắc gió tại khu vực xã Tân Thành và Hướng Việt;
- Khảo sát, thu thập các số liệu để lập hồ sơ bổ sung quy hoạch, trình duyệt trong quý II năm 2019. Hoàn thành phê duyệt bổ sung quy hoạch trong quý III năm 2019, và triển khai các bước tiếp theo.

🚧 Tìm kiếm, phát triển các Dự án thủy điện, năng lượng khác.

- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu và xúc tiến đầu tư các dự án thủy điện tại Việt Nam và tại nước CHDCND Lào.
- Tiếp tục nghiên cứu và xúc tiến đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió.

Các dự án SCI đang thực hiện là những dự án quy mô lớn, triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, được các nhà đầu tư đánh giá cao.

Với các hợp đồng, dự án lớn đã và đang triển khai đem lại doanh thu lợi nhuận cao cho công ty hàng năm, nâng cao năng lực thi công, nâng vị thế và uy tín của Công ty trên thị trường.

7.3. Cơ cấu doanh thu

Hoạt động kinh doanh tạo doanh thu chính của Công ty là thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp.

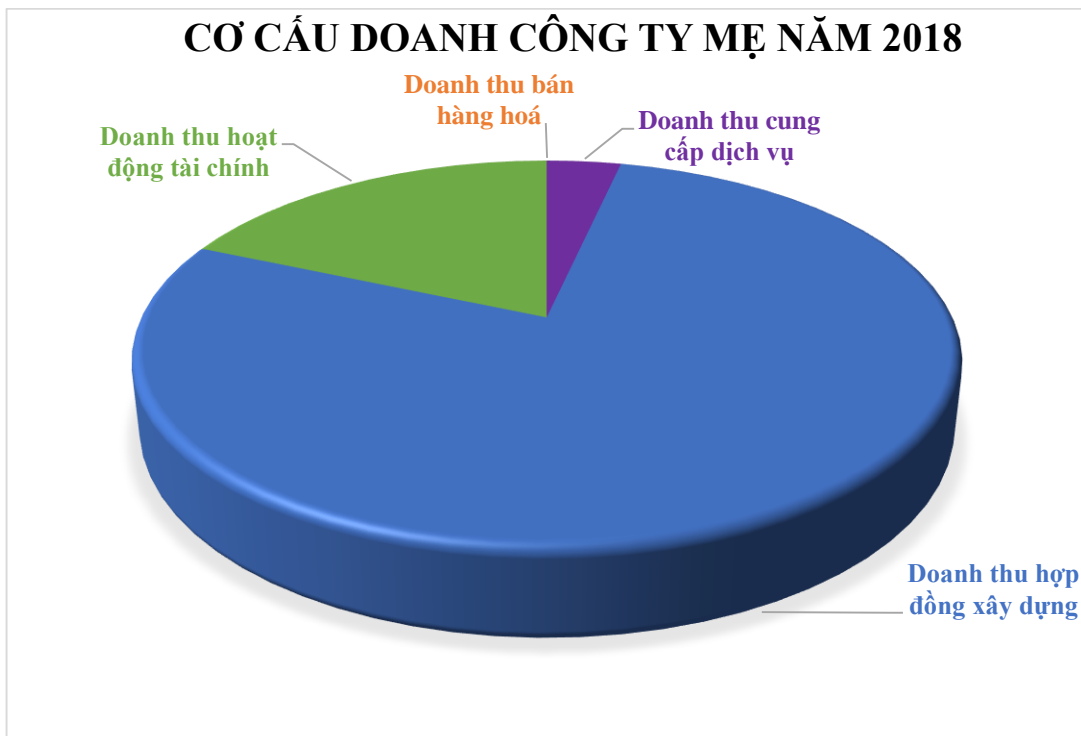
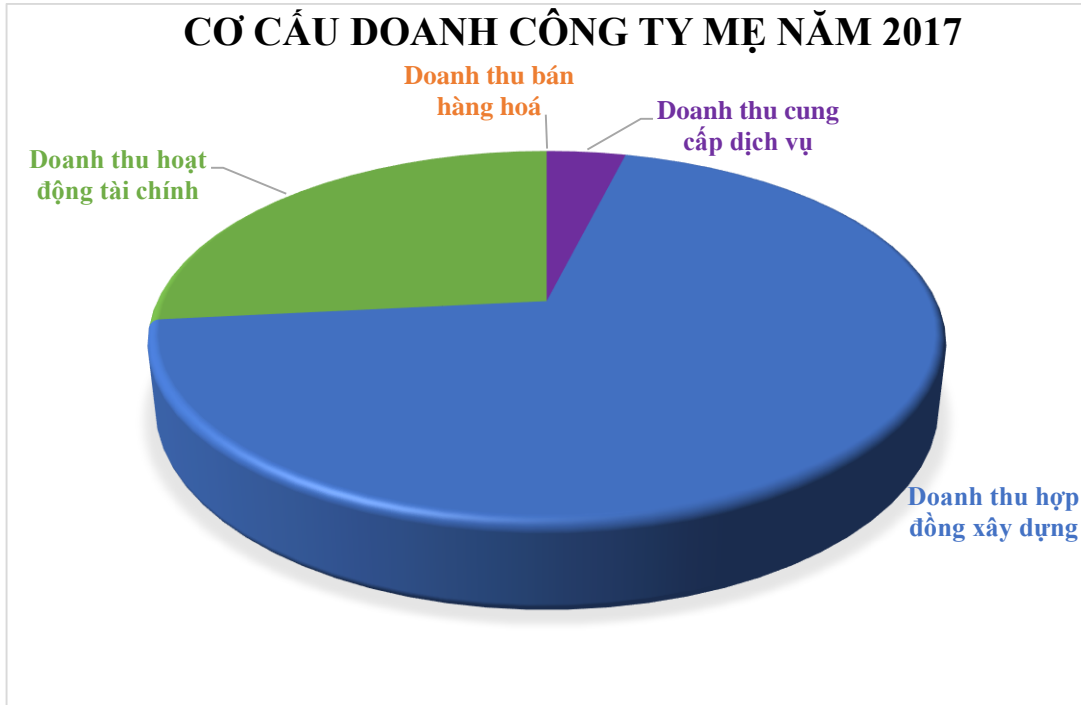
Bảng 02: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

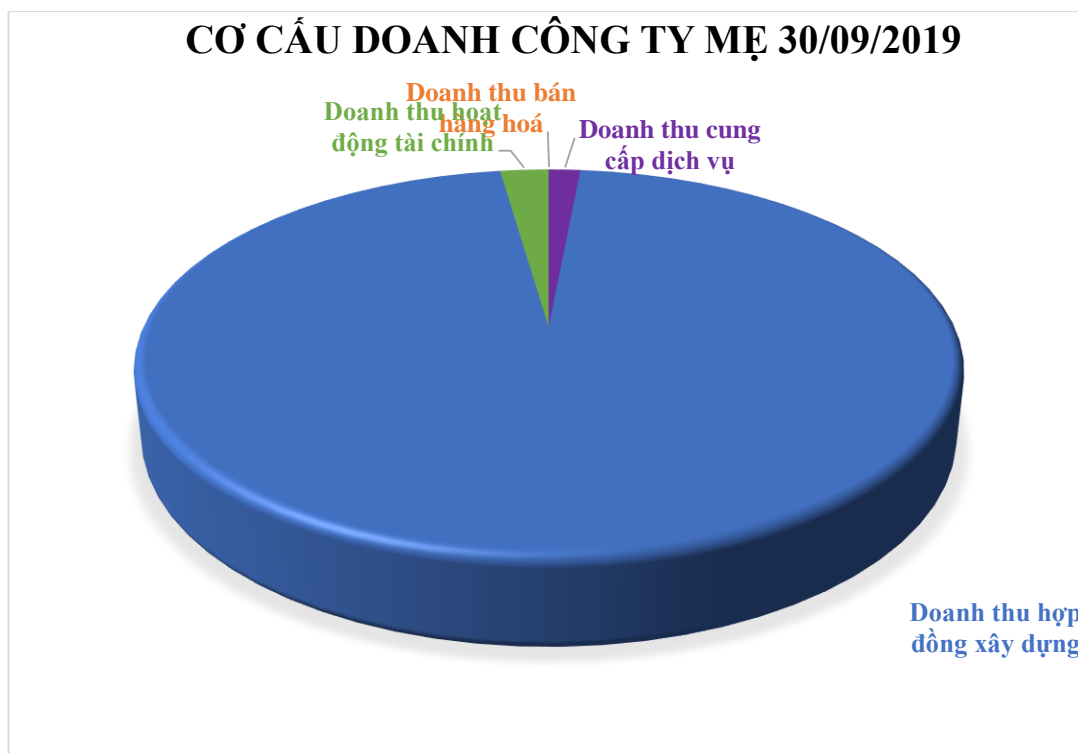
Sản phẩm dịch vụ	2017		2018		30/09/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	164.381	73,37	171.824	81,50	254.104	97,73
Doanh thu bán hàng hóa	-	-	-	-	-	-

Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.666	3,87	7.351	3,49	3.850	1,48
Doanh thu hợp đồng xây dựng	155.715	69,51	164.473	78,02	250.254	96,25
Doanh thu hoạt động tài chính	59.651	26,63	38.996	18,50	5.899	2,27
Tổng cộng	224.032	100	210.820	100	260.003	100

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC riêng Quý III/2019



CƠ CẤU DOANH CÔNG TY MẸ 30/09/2019



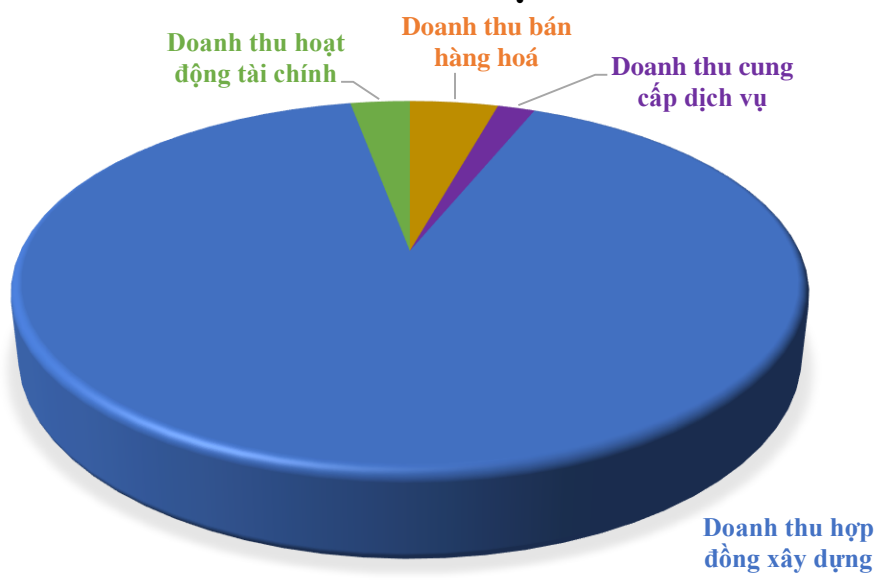
Bảng 03: Cơ cấu doanh thu Công ty hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

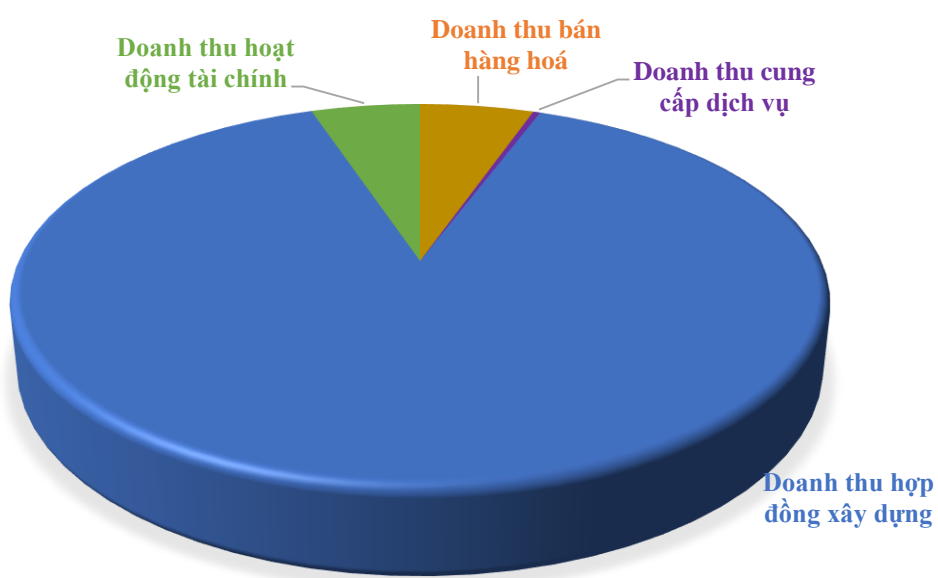
Sản phẩm dịch vụ	2017		2018		30/09/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	580.890	97,09	802.810	94,86	1.168.525	98,55
Doanh thu bán hàng hóa	25.893	4,33	45.430	5,37	76.225	6,43
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.965	1,83	2.758	0,33	14.296	1,20
Doanh thu hợp đồng xây dựng	544.033	90,93	754.622	89,17	1.078.004	90,92
Doanh thu hoạt động tài chính	17.420	2,91	43.467	5,14	17.181	1,45
Tổng cộng	598.310	100	846.277	100	1.185.706	100

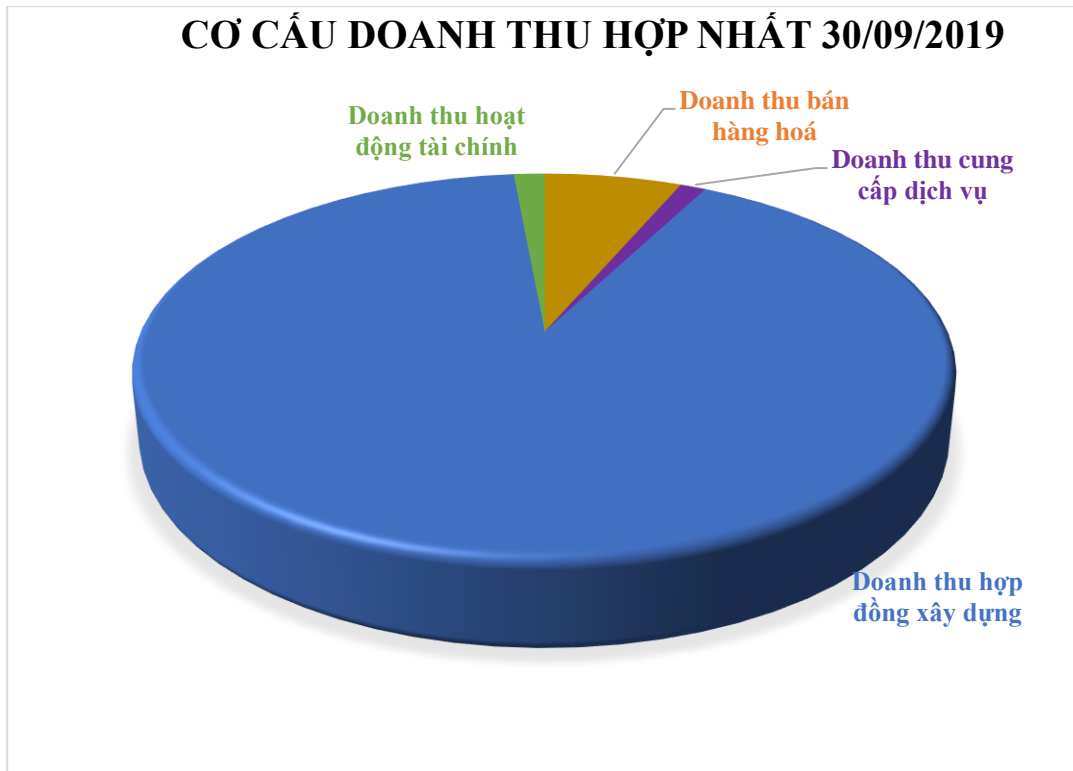
Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC hợp nhất Quý III/2019

CƠ CẤU DOANH THU HỢP NHẤT NĂM 2017



CƠ CẤU DOANH THU HỢP NHẤT NĂM 2018





7.4. Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2017 – 2018

Bảng 04: Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	164.381	171.824
2	Lợi nhuận sau thuế	38.285	17.941

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2017, 2018

Bảng 05: Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	580.890	802.810
2	Lợi nhuận sau thuế	- 18.563	64.434

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018

7.5. Chi phí sản xuất

Quản trị chi phí sản xuất là vấn đề mà Công ty Cổ phần SCI quan tâm nhất trong quá trình hoạt động của mình. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty hiện nay là triển khai các dự án đầu tư và thi công xây lắp cơ giới các công trình thủy điện, nhiệt điện, công trình dân dụng, giao thông và hạ tầng, nên các chi phí về nguyên, nhiên vật liệu đầu vào sản xuất thường rất lớn. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty là giá vốn hàng bán và giá vốn hàng bán có xu

hướng tăng qua các năm 2017 và 2018 nhưng tỷ trọng giảm so với doanh thu thuần, tỷ trọng lần lượt là: 89,10% và 80,11% so với doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh.

Bảng 06: Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		30/09/2019	
		Giá trị	%/Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/Tổng Doanh thu
I	Tổng doanh thu	224.032	100	210.820	100	260.003	100
1	Doanh thu thuần	164.381	73,37	171.824	81,50	254.104	97,73
2	Doanh thu tài chính	59.651	26,63	38.996	18,50	5.899	2,27
II	Chi phí	175.224	78,21	188.115	89,23	242.130	93,13
1	Giá vốn hàng bán	151.312	67,54	153.963	73,03	236.159	90,83
2	Chi phí tài chính	15.028	6,71	21.076	10,00	3.194	1,23
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý	8.884	3,97	13.076	6,20	2.776	1,07

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC riêng Quý III/2019

Bảng 07: Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		30/09/2019	
		Giá trị	%/Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/Tổng Doanh thu
I	Tổng doanh thu	598.310	100	846.277	100	1.185.706	100
1	Doanh thu thuần	580.890	97,09	802.810	94,86	1.168.525	98,55
2	Doanh thu tài chính	17.420	2,91	43.467	5,14	17.181	1,45
II	Chi phí	610.760	102,08	765.987	90,51	1.114.398	93,99
1	Giá vốn hàng bán	533.120	89,10	677.947	80,11	1.021.002	86,11
2	Chi phí tài chính	37.711	6,30	44.371	5,24	62.569	5,28
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý	39.929	6,67	43.669	5,16	30.827	2,60

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC hợp nhất giữa Quý III/2019

Tổng doanh thu hợp nhất trong năm 2017 đạt 598,31 tỷ đồng, tăng 63% so với năm 2016. Tổng doanh thu năm 2018 đạt 846,28 tỷ đồng, tăng 41,44% so với năm 2017, và 9 tháng đầu năm đạt 1.185,706 tỷ đồng. Chi phí tài chính giảm dần qua các năm, chi phí quản lý duy trì ở mức tỷ trọng thấp trên tổng chi phí. Điều này thể hiện khả năng kiểm soát chi phí một cách hiệu quả của Công ty trong điều kiện kinh tế khó khăn.

7.6. Hoạt động Marketing

Thương hiệu, uy tín chính là tài sản của Công ty, trong mọi hoạt động của mình, Công ty luôn nỗ lực xây dựng hình ảnh thương hiệu tương xứng với tầm vóc và quy mô phát triển trong từng giai đoạn với định vị thương hiệu SCI là Nhà đầu tư trong lĩnh vực Năng lượng và Nhà thầu xây dựng đẳng cấp trong lĩnh vực xây dựng thủy điện, hạ tầng giao thông thủy bộ, hạ tầng công nghiệp.

Hiện tại, Công ty Cổ phần SCI đang thực hiện quảng bá hình ảnh công ty qua các kênh và các hoạt động như sau:

- Thành lập Ban truyền thông, đưa Fanpage Công ty vào hoạt động, nhằm mục đích tổ chức triển khai công tác truyền thông nội bộ, truyền thông đối ngoại, quảng bá thương hiệu cho toàn hệ thống SCI.
- Tiếp tục hoàn thiện và áp dụng đồng bộ bộ nhận diện thương hiệu đã xây dựng trong năm 2019.

7.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh và bản quyền sáng chế

- Biểu tượng logo của Công ty:



- Website của Công ty: www.scigroup.vn

7.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 08: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
1	HĐ Bóc phủ, khoan nổ và bóc xúc tại mỏ - GĐII	323	15/03/2019	20 Tháng	Bóc phủ, khoan nổ và bóc xúc tại mỏ - Công trình Thủy điện Nậm Theum (Lào)	Liên danh CMC

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
2	HĐ Thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình dự án trang trại Điện Mặt trời Gelex Ninh Thuận	1.042	10/09/2018	09 tháng	Thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình dự án trang trại Điện Mặt trời Gelex Ninh Thuận	Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex Ninh Thuận
3	HĐ Thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình Dự án Thủy điện Nam Sam 3	4.112	09/09/2019	48 tháng	Thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình Dự án Thủy điện Nam Sam 3	Công ty TNHH Nam Sam 3 Power Sole

Nguồn: Công ty Cổ phần SCI

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:

Bảng 09: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm 2018/2017	30/09/2019
Tổng giá trị tài sản	623.126	693.153	11,24%	713.019
Doanh thu thuần	164.381	171.824	4,53%	254.104
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	48.808	22.706	-53,48%	17.873
Lợi nhuận khác	254	(373)	-	44
Lợi nhuận trước thuế	49.063	22.333	-54,48%	17.916
Lợi nhuận sau thuế	38.285	17.941	-53,14%	14.306
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (% trả cổ tức x Vốn điều lệ thực góp/LNST)	-	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC riêng Quý III/2019

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty hợp nhất

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm 2018/2017	30/09/2019
Tổng giá trị tài sản	1.584.496	2.097.557	32,38%	1.983.875
Doanh thu thuần	580.890	802.810	38,20%	1.168.525
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-12,45	80,29	-	71.308
Lợi nhuận khác	71	211	197,18%	-1.663
Lợi nhuận trước thuế	-12,38	80,50	-	69.645
Lợi nhuận sau thuế	-18,56	64,43	-	51.299
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (% trả cổ tức x Vốn điều lệ thực góp/LNST)	-	31,65%	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC hợp nhất Quý III/2019

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a) Những thuận lợi

- Trong những năm trước kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên từ năm 2013 trở lại đây, sản xuất trong nước đã bắt đầu phục hồi thể hiện qua tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định trong khi lãi suất, lạm phát được kiểm soát. Đối với các ngành sản xuất kinh doanh của Công ty, Chính phủ đang có nhiều chính sách hỗ trợ đặc biệt nhằm đẩy mạnh đầu tư công vào các lĩnh vực hạ tầng, năng lượng.
- Lợi thế cạnh tranh của S99 so với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng là chất lượng sản phẩm và tiến độ bàn giao công việc đúng thời hạn cùng các giải pháp tư vấn kỹ thuật.
- Hiện S99 có một đội ngũ cán bộ kỹ sư, công nhân có trình độ, có tay nghề cao và đang được chuyên nghiệp hóa để có thể ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào sản xuất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và chủ đầu tư.
- Sự đoàn kết nhất trí, tâm huyết của HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty cùng với việc tổ chức ổn định bộ máy quản lý điều hành của Công ty sẽ đảm bảo cho việc điều hành hoạt động hiệu quả và chủ động sáng tạo trong công việc.
- Bên cạnh đó, S99 tham gia cung cấp giải pháp toàn diện trong lĩnh vực xây lắp từ khâu tư vấn thiết kế, khảo sát, thí nghiệm đến thi công.
- Ngoài ra, Công ty Cổ phần SCI cũng tăng cường mối quan hệ hợp tác với các đối tác có ngành nghề tương đồng để tận dụng kinh nghiệm, lợi thế thương hiệu và cơ sở khách hàng.

b) Những khó khăn

- Kinh tế thế giới và trong nước vẫn đang tiềm ẩn nhiều rủi ro liên quan đến suy thoái, thị trường bất động sản và xây dựng không ổn định, nguy cơ bong bóng luôn hiện hữu. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giá cả nguyên vật liệu chung như xăng dầu, điện, nước biến động không ngừng, có ảnh hưởng nhất định đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung và các công ty thành viên nói riêng.
- Trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng cơ bản, thời gian thi công các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu và bàn giao được thực hiện từng phần, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất thời gian,... ảnh hưởng tới quá trình giải ngân từ đó có thể dẫn tới việc công ty bị chiếm dụng vốn.
- Tính cạnh tranh trên thị trường xây dựng đang ngày càng tăng khi các công ty lớn nước ngoài vào Việt Nam và một số công ty lớn từ miền Nam bắt đầu mở rộng thị trường ra miền Bắc. Điều này ảnh hưởng lớn đến thị phần của S99 và gây áp lực cạnh tranh đặc biệt là cạnh tranh về giá cả.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần SCI tiền thân là một đơn vị thuộc Tổng Công ty Sông Đà, được thành lập vào năm 1998 và hoạt động theo hình thức CTCP từ năm 2003. Trong quá trình hoạt động và phát triển Công ty đã đảm nhận thi công nhiều công trình công nghiệp và dân dụng trên khắp mọi miền đất nước. Nhiều công trình thủy điện lớn Công ty đã tham gia thi công như: nhà máy thủy điện Sơn La, Tuyên Quang, Bản Vẽ, Se San 4, Nậm Chiến, Pleikrong,... Nhìn chung, hoạt động thi công các công trình công nghiệp và dân dụng của Công ty đã khẳng định được vị thế và uy tín. Trong giai đoạn hiện nay và định hướng phát triển trong những năm tới, Công ty không ngừng đổi mới, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Ngoài lĩnh vực thi công xây dựng thủy điện, vị thế và uy tín của Công ty cũng được thể hiện qua những dự án lớn trong các lĩnh vực khác mà Công ty đã ký kết như công trình dự án Đường nam Quảng Nam – tỉnh Quảng Nam, bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng, đường giao thông liên xã của huyện Kế Sách – tỉnh Sóc Trăng.... Hiện nay, Công ty cũng đang đàm phán một số dự án lớn khác.

Với kinh nghiệm nhiều năm thi công xây dựng các công trình công nghiệp, cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên tâm huyết và Ban lãnh đạo sáng suốt, Công ty tin tưởng sẽ thành công trong việc điều chỉnh định hướng hoạt động.

9.2. Triển vọng phát triển ngành

Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chính vì vậy, việc đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng là điều tất yếu.

Chu kỳ kinh tế mới đang hình thành và Chính phủ Việt Nam đang thực hiện chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ nhằm thúc đẩy sự phục hồi của nền kinh tế. Trong đó, chi xây dựng các công trình giao thông chiếm 40% – 50% chi đầu tư xây dựng cơ bản của Chính phủ. Trong điều

kiện hiện tại của Việt Nam, tăng chi tiêu của Chính phủ dành cho đầu tư xây dựng cơ bản sẽ là điều kiện thúc đẩy tăng đầu tư xây dựng công trình giao thông, hạ tầng.

Theo quy hoạch phát triển các công trình giao thông, hạ tầng tại Việt Nam từ 2010 - 2020 và định hướng tới 2030 mà Chính phủ Việt Nam đưa ra, tổng mức đầu tư xây dựng giao thông đường bộ tại Việt Nam sẽ là 1.687.317 tỷ đồng, trung bình mỗi năm vốn đầu tư xây dựng giao thông đường bộ sẽ là 168.731 tỷ đồng.

Ngành xây dựng đường bộ được dự báo có tốc độ tăng trưởng 11% kể từ 2015 - 2023, tốc độ tăng trưởng này được dự báo dựa trên vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Chính phủ Việt Nam, và quy hoạch phát triển giao thông đường bộ tại Việt Nam.

Hiện nay, số lượng các công ty tham gia ngành xây dựng công trình giao thông, hạ tầng là không nhiều gồm: Tổng Công ty xây dựng thuộc Bộ Giao thông, Công ty xây dựng thuộc Bộ Xây dựng và các nhóm công ty thuộc quản lý cấp tỉnh. Bên cạnh đó, với sự quan tâm của Nhà nước cùng sự phát triển của Đất nước trong xu thế chung của toàn thế giới, ngành xây dựng công trình giao thông, hạ tầng sẽ có động lực để phát triển trong tương lai.

Thị trường điện Việt Nam hiện nay có cung nhỏ hơn cầu, dự báo mức tăng trưởng tiêu thụ điện sẽ tăng nhanh 11% - 12% /năm, cao hơn dự báo tăng trưởng sản lượng 8%/năm. Để đáp ứng mức độ tăng trưởng nhu cầu về sử dụng điện trong cả nước, các công trình thủy điện, nhiệt điện sẽ được ưu tiên phát triển và khuyến khích đầu tư theo Chiến lược phát triển Điện Việt Nam và Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia các giai đoạn của Chính phủ. Dự kiến tổng công suất tích năng của các hồ thủy điện dự kiến đạt 2.400 MW vào năm 2020 và sẽ nâng lên 5.700 MW vào năm 2030. Bên cạnh đó, xu hướng phát triển năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời cũng đang được Chính Phủ quan tâm và tạo nhiều điều kiện phát triển.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với định hướng trở thành một công ty chuyên về đầu tư và xây dựng, chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam. Về đầu tư: Đầu tư các công trình năng lượng, môi trường. Về thi công: Lấy thi công hạ tầng, giao thông thủy bộ, thủy điện làm chủ lực, tạo thế phát triển bền vững. Công ty đã có những thay đổi và đưa ra những chính sách cho phù hợp với hoạt động này.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, sự phát triển của lĩnh vực cơ sở hạ tầng chưa phát triển tương xứng với tốc độ tăng trưởng phát triển kinh tế. Mặc dù trong những năm vừa qua Chính phủ đã thực hiện đầu tư rất nhiều cho hệ thống hạ tầng tại Việt Nam như việc mở rộng, xây dựng các tuyến đường quốc lộ, xây dựng hệ thống thoát nước, chống úng ngập....nhưng rõ ràng điều này vẫn chưa đủ. Hơn nữa, ngoài các đô thị lớn như Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh, nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng, công trình giao thông tại các vùng khác cũng rất lớn, đặc biệt là các khu công nghiệp,... Chính vì vậy, trong tương lai, đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng vẫn là lĩnh vực hứa hẹn có nhiều tiềm năng và được quan tâm đầu tư mạnh mẽ. Với việc điều chỉnh định hướng hoạt động, S99 tập trung tìm kiếm những công ty có ngành nghề tương đồng để đầu tư góp vốn, mua cổ phần nhằm nâng cao quy mô, năng lực và hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông và hạ tầng theo định hướng tái cơ cấu hoạt động của Công ty.

Định hướng phát triển của S99 trong những năm tới là xây dựng được uy tín, hình ảnh thương hiệu tương xứng với tầm vóc và quy mô phát triển của Công ty trong từng giai đoạn với thương hiệu là Nhà đầu tư trong lĩnh vực Năng lượng và Nhà thầu xây dựng đẳng cấp trong lĩnh vực xây dựng thủy điện, hạ tầng giao thông thủy bộ, hạ tầng công nghiệp.

Như vậy có thể nói, định hướng S99 đưa ra là phù hợp với năng lực nội tại của Công ty, định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 30/06/2019 là 604 người với cơ cấu như sau:

Bảng 11: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/06/2019

Loại lao động	Số lượng (người)
Phân theo giới tính	
▪ Nam	540
▪ Nữ	64
Phân theo trình độ học vấn	
▪ Trình độ đại học và trên đại học	172
▪ Trình độ cao đẳng và trung cấp	63
▪ Đối tượng khác	369
Tổng số Cán bộ công nhân viên	604

Nguồn: Công ty Cổ phần SCI

10.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc:

Về thời gian làm việc: Công ty thực hiện làm việc 8 giờ/ngày, 5,5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc theo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi lao động theo quy định của Nhà nước.

Chế độ bảo hiểm, nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ ốm thai sản...; Công ty thực hiện trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định. Thực hiện các ngày nghỉ theo đúng Bộ Luật lao động và hướng dẫn của Chính phủ đối với các kỳ nghỉ lễ, tết trong năm.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao hơn và an toàn cho CBCNV.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Căn cứ theo định hướng tái cấu trúc hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và kế hoạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm. Công ty đã có kế hoạch tuyển dụng và đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc,...

Với những chính sách tuyển dụng sát với yêu cầu thực tế công việc, trong năm qua Công ty đã thu hút và đang xây dựng được đội ngũ nhân lực có năng lực và kinh nghiệm từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần SCI luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ.

c. Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động của Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hợp đồng cố định còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Ngoài chế độ tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Luôn tạo cho người lao động yên tâm, phấn khởi thi đua trong lao động sản xuất. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho nhân viên trong Công ty.

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.

Các tổ chức quần chúng được tạo điều kiện hoạt động và nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau đối với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm thực hiện.

11. Chính sách cổ tức

11.1. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách cổ tức của Công ty như sau:

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá

mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã xin ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

- Trừ khi ĐHĐCĐ có quy định khác, việc chia cổ tức được thực hiện chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ quyết định mức chia cổ tức. HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã được đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
- Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

11.2. Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất:

Bảng 12: Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất (2017 – 2018) và dự kiến năm 2019

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019 (*)
Tỷ lệ cổ tức	5%	5%	5%
Hình thức thanh toán	Cổ phiếu	Cổ phiếu	-

(*) Mức chi trả cổ tức năm 2018 và kế hoạch trả cổ tức năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty thông qua tại Nghị quyết số 14/2019/NQ – SCI-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2019.

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 10/07/2019: 428.292.770.000 đồng.
- Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng các quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc:	05 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị:	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	04 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý:	03 – 10 năm
- Tài sản cố định khác:	20 năm
- Phần mềm kế toán khác:	03 năm
- Nhãn hiệu, thương hiệu:	20 năm

❖ Mức lương bình quân

Bảng 13: Mức lương bình quân

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	10.000.000	12.000.000

Nguồn: Công ty cổ phần SCI

Mức lương bình quân của CBCNV Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, 2018 và báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ năm 2019, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế phải nộp trong năm 2017, 2018 và báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ năm 2019 như sau:

Bảng 14: Các khoản phải nộp Công ty mẹ

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Thuế Giá trị gia tăng	-	230.562.666	44.430.329
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.485.501.159	3.365.802.945	854.658.364
3	Thuế thu nhập cá nhân	939.552	16.584.585	-
	Tổng cộng	12.486.440.711	3.612.950.196	899.088.693

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC riêng Quý III/2019

Bảng 15: Các khoản phải nộp Công ty hợp nhất

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Thuế GTGT	179.503.041	427.758.490	44.987.989
2	Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.667.729.140	7.294.177.712	3.424.618.830
4	Thuế thu nhập cá nhân	320.507.918	376.789.917	466.753.209
5	Thuế tài nguyên	-	498.519.623	967.098.079
6	Các loại thuế khác	5.190.507	5.190.507	5.190.507
7	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	39.604.543	340.604.899	540.782.288
	Tổng cộng	14.212.535.149	8.943.041.148	5.449.430.902

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC hợp nhất Quý III/2019

Công ty cam kết sẽ tuân thủ nộp toàn bộ các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật.

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Bảng 16: Số dư các quỹ Công ty mẹ

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	802.064.840	802.064.840	798.664.840
2	Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	8.192.087.059	8.192.087.059
	Tổng cộng	8.994.151.899	8.994.151.899	8.990.751.899

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC riêng Quý III/2019

Bảng 17: Số dư các quỹ Công ty hợp nhất

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.955.357.317	2.410.358.081	3.209.588.013
2	Quỹ đầu tư phát triển	10.203.005.635	11.567.626.463	11.567.626.463
Tổng cộng		12.158.362.952	13.977.984.544	14.777.214.476

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC hợp nhất Quý III/2019

❖ **Tổng dư nợ vay**

Tình hình dư nợ vay của Công ty trong thời gian vừa qua như sau:

Bảng 18: Tổng dư nợ vay Công ty mẹ

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	88.188.000.000	3.188.000.000	1.592.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.983.000.000	795.000.000	-
Tổng cộng		92.171.000.000	3.983.000.000	1.592.000.000

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC riêng Quý III/2019

Bảng 19: Tổng dư nợ vay Công ty hợp nhất

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	286.494.046.320	252.189.383.916	429.953.711.462
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341.749.252.465	550.050.109.708	565.843.468.039
Tổng cộng		628.243.298.785	802.239.493.624	995.797.179.501

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC hợp nhất Quý III/2019

Đến thời điểm hiện tại, tất cả các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty đều đã được thanh toán đầy đủ kịp thời, không có khoản nợ vay nào quá hạn. Các khoản nợ vay sắp đến thời hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ kịp thời.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- **Các khoản phải thu**

Bảng 20: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ

ĐVT: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	113.784	190.611	171.569
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	85.166	150.008	166.931
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.001	4.832	5.086
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	14.000	31.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	27.777	28.359	21.982
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(18.160)	(23.588)	(22.430)
2. Phải thu dài hạn	220	220	220
Phải thu dài hạn khác	220	220	220
Tổng cộng	114.004	190.831	171.789

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC riêng Quý III/2019

Bảng 21: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất

ĐVT: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	352.670	437.675	392.137
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	264.262	330.150	310.737
Trả trước cho người bán ngắn hạn	57.440	76.730	51.911
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	14.000	31.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	40.684	66.875	62.312
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(23.717)	(31.079)	(32.823)
2. Phải thu dài hạn	367	367	1.288
Phải thu dài hạn khác	367	367	1.288
Tổng cộng	353.037	438.042	393.425

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC hợp nhất Quý III/2019

(*) Các khoản phải thu với CTCP DVC Việt Nam (HĐ số 11/2017/HĐTD ngày 04/07/2017 và HĐ số 01/2018/HĐTD ngày 12/07/2018) được tự động gia hạn và đã được tất toán toàn bộ trong tháng 04/2019.

- Các khoản phải trả

Bảng 22: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty mẹ

ĐVT: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Nợ ngắn hạn	148.362	204.344	211.347
Phải trả người bán ngắn hạn	34.375	96.236	175.730
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	483	493	483
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.486	3.613	899
Phải trả người lao động	419	595	220
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	673	7	396
Phải trả ngắn hạn khác	10.935	99.410	31.228
Vay và thuê tài chính ngắn hạn	88.188	3.188	1.592
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	802	802	799
Nợ dài hạn	4.040	852	57
Phải trả dài hạn khác	57	57	57
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.983	795	-
Tổng cộng	152.402	205.196	211.404

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC riêng Quý III/2019

Bảng 23: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty hợp nhất

ĐVT: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Nợ ngắn hạn	616.380	854.935	662.650
Phải trả người bán ngắn hạn	165.623	185.117	119.027
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	56.372	249.177	30.908
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.213	8.943	5.449
Phải trả người lao động	32.342	27.170	10.254
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	41.307	6.291	7.131
Phải trả ngắn hạn khác	18.074	123.638	56.717
Vay và thuê tài chính ngắn hạn	286.494	252.189	429.954
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.955	2.410	3.210
Nợ dài hạn	343.472	551.773	580.693
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	600

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Phải trả dài hạn khác	57	57	57
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341.749	550.050	565.844
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.666	1.666	3.192
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	11.000
Tổng cộng	959.852	1.406.708	1.243.343

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC hợp nhất Quý III/2019

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
▪ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,42	1,17
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,37	1,15
▪ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	24,46	29,60
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	32,38	42,05
▪ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho)	Vòng	20,64	42,97
+ Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	Vòng	0,28	0,26
▪ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	23,29	10,44
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,13	3,68
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	6,14	2,59
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	29,69	13,21
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP		

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2017, 2018

Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
▪ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,21	1,10
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,90	0,78
▪ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	60,58	67,06
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	153,66	203,62
▪ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho)	Vòng	2,81	2,63
+ Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	Vòng	0,45	0,44
▪ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	NA	8,03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	NA	9,33
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	NA	3,07
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	NA	10,03
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	NA	1,657

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty

Khả năng thanh toán

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty giảm trong giai đoạn 2017 – 2018. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017, năm 2018 lần lượt là 1,21 lần và 1.1 lần. Hệ số thanh toán nhanh năm 2017, 2018 lần lượt là 0,90 lần và 0,78 lần cho thấy công ty có khả năng trả được các khoản nợ khi đáo hạn.

Cơ cấu vốn

Chỉ số cơ cấu Nợ/Tổng tài sản có xu hướng tăng trong giai đoạn 2017 – 2018. Do nợ phải trả năm 2018 tăng so với năm 2017.

Năng lực hoạt động

Năm 2018 Công ty có vòng quay hàng tồn kho là 2,63 giảm so với 2017 là 2,81 vòng. Vòng quay tổng tài sản năm 2017 và 2018 có ổn định ở mức 0,45 và 0,44 vòng.

Khả năng sinh lời

Các chỉ số khả năng sinh lời của S99 trong năm 2018 đều tốt hơn so với năm 2017 rất nhiều do lợi nhuận sau thuế Công ty năm 2018 đạt 64,43 tỷ đồng so với lỗ năm 2017 là 18,56 tỷ đồng.

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Bảng 26: Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/ Số hộ chiếu
1	Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	1978	017389016
2	Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT	1966	001066004712
3	Nguyễn Minh Hùng	Thành viên HĐQT	1978	197059501
4	Đoàn Thế Anh	Thành viên HĐQT	1978	03407800022
5	Nguyễn Chính Đại	Thành viên HĐQT	1978	013025232

13.1.1. Ông: Nguyễn Công Hùng – Chủ tịch HĐQT

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	21/8/1978	
- Nơi sinh	Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị	
- Địa chỉ thường trú	Phòng 1012, CT3B Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.	
- CNMD số 017389016	Ngày cấp: 19/5/2012	Nơi cấp: CA Hà Nội
- Điện thoại liên hệ		
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng	
Quá trình công tác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2005	Công ty cổ phần Sông Đà 909	Trưởng phòng Kỹ thuật

2005 - 2009	Công ty cổ phần Sông Đà 909 kiêm Giám đốc Xí nghiệp 1	Phó Tổng giám đốc
2009 - 05/2010	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Giám đốc
04/2014 - 01/2015	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
01/2015 đến nay	Công ty cổ phần SCI	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
- Số cổ phần nắm giữ	1.565.549 cổ phần, tỷ lệ: 3.66 %	
	✓ Sở hữu cá nhân: 1.565.549 cổ phần, tỷ lệ: 3.66 %	
	✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.1.2. Ông: Nguyễn Minh Hùng – Thành viên HĐQT

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	28/02/1978	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- CMND số: 197059051	Ngày cấp: 09/06/2005	Nơi cấp: Quảng Trị

- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 - 2002	BQL Dự án Thủy điện Sơn La	Chuyên viên phòng Kỹ thuật vật tư
2002-2005	BQL Dự án Thủy điện 2- EVN	Chuyên viên phòng Kinh tế Kế hoạch
2006-2007	Ban CBSX thủy điện Quảng Trị và Bản Vẽ, BQL Dự án Thủy điện 2- EVN	Tổ trưởng tổ kỹ thuật
2007-T9/2016	BQL Dự án Nhiệt điện 2-EVN	Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch
10/2016-Nay	Tổng công ty phát điện 1- EVN	Phó ban Tổng hợp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	
- Số cổ phần nắm giữ	62.070 cổ phần, tỷ lệ: 0.14 %	
	✓ Sở hữu cá nhân: 62.070 cổ phần, tỷ lệ: 0.14 %	
	✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.1.3. Ông: Nguyễn Chính Đại – Thành viên HĐQT

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	21/04/1978	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- CMND số 013025232	Ngày cấp: 28/11/2008	Nơi cấp: CA thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 - 2003	Công ty Liên doanh xây dựng quốc tế VIC	Kỹ sư giám sát
2003-2004	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hà Nội	Trưởng phòng kỹ thuật
2004-2007	Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Phó giám đốc Xí nghiệp 1
2007-2009	BQL Dự án nhà máy thủy điện Phình Hồ	Giám đốc
2010-2016	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	Phó Giám đốc
2016-2018	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	Giám đốc
2018-2019	Công ty cổ phần SCI E&C	Phó Chủ tịch HĐQT
2019- Nay	Công ty cổ phần SCI E&C	Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT	
- Số cổ phần nắm giữ	811 cổ phần, tỷ lệ: 0.002 %	
	✓ Sở hữu cá nhân: 811 cổ phần, tỷ lệ: 0.002 % ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty CP SCI E&C	

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	26.620 cổ phiếu tại Công ty CP SCI E&C
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.1.4. Ông: Đoàn Thế Anh – Thành viên HĐQT

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	26/02/1978	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- CMND số 034078000022	Ngày cấp: 20/11/2017	Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng	
Quá trình công tác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2001 - 08/2004	Công ty liên doanh Xây dựng Việt Nam - Cu Ba (VIC)	Kỹ sư giám sát
09/2004 - 08/2008	CTCP thủy điện Tà Niết	Phó ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Tà Niết
09/2008 - 10/2011	Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 908 - Công ty cổ phần Sông Đà	Phó phòng thi công, Trưởng phòng thi công công trình thủy điện Sơn La và thủy điện Lai Châu
11/2011 - 07/2012	Tổng đội thi công Núi Pháo - Công ty cổ phần Sông Đà 9	Phó tổng đội trưởng tổng đội thi công cơ giới Núi

		Pháo - Đại Từ - Thái Nguyên
08/2012 - 10/2013	Chi nhánh Sông Đà 9.10 - Công ty cổ phần Sông Đà 9	Phó giám đốc thi công công trình đường cao tốc Hà Nội-Lào Cai, công trình Trạm biến áp 220KV Bảo Thắng -Lào Cai
11/2013 - 06/2014	Ban điều hành gói thầu EPC bãi thải xỉ 2 -Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2	Giám đốc xây dựng
07/2014 - 06/2015	CTCP Sông Đà 909	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
06/2015 - 23/12/2015	Công ty cổ phần SCI	Phó Tổng Giám đốc
24/12/2015 - nay	Công ty cổ phần SCI	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	
- Số cổ phần nắm giữ	11.567 cổ phần, tỷ lệ: 0.027 % ✓ Sở hữu cá nhân: 11.567 cổ phần, tỷ lệ: 0.027 % ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Giám đốc Công ty cổ phần SCI Lai Châu	
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.1.5. Ông: Nguyễn Văn Phúc – Thành viên HĐQT

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	01/01/1966	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- CMND số 001066004712	Ngày cấp: 19/12/2017	Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế máy	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 - 1993	Tổng công ty Sông Đà	Phòng kinh tế kế hoạch
1993 - 1994	Tổng công ty Sông Đà	Phòng kinh tế kế hoạch Tổng công ty Sông Đà, đại diện Tổng công ty Sông Đà Yaly
1994 - 2001	Công ty Sông Đà 3	Trưởng phòng kinh tế kế hoạch
2002 - 2005	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Trưởng phòng kinh tế kế hoạch
2006 - 08/2007	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng kinh tế kế hoạch
08/2007 - 04/2016	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
04/2016 - 2019	Công ty cổ phần SCI	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
2019 – Nay	Công ty cổ phần SCI	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
	✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	

	✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.2. Ban Kiểm toán nội bộ

Bảng 27: Danh sách thành viên Ban Kiểm toán nội bộ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Ông: Nguyễn Minh Hùng	Trưởng Ban	1978
2	Bà: Quách Thị Thanh Thủy	Thành viên	1988
3	Ông: Quãn Thanh Sơn	Thành viên	1984

13.2.1. Ông Nguyễn Minh Hùng – Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	28/02/1978	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- CMND số 197059051	Ngày cấp: 09/06/2005	Nơi cấp: Quảng Trị
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng	
Quá trình công tác		

Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 - 2002	BQL Dự án Thủy điện Sơn La	Chuyên viên phòng Kỹ thuật vật tư
2002-2005	BQL Dự án Thủy điện 2-EVN	Chuyên viên phòng Kinh tế Kế hoạch
2006-2007	Ban CBSX thủy điện Quảng Trị và Bản Vẽ, BQL Dự án Thủy điện 2- EVN	Tổ trưởng tổ kỹ thuật
2007-T9/2016	BQL Dự án Nhiệt điện 2-EVN	Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch
10/2016-Nay	Tổng công ty phát điện 1-EVN	Phó ban Tổng hợp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội Đồng Quản Trị Kiểm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	
- Số cổ phần nắm giữ	62.070 cổ phần, tỷ lệ: 0.14 % ✓ Sở hữu cá nhân: 62.070 cổ phần, tỷ lệ: 0.14 % ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.2.2. Bà: Quách Thị Thanh Thủy – Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ

- Giới tính	Nữ	
- Ngày sinh	06/04/1988	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- CMND số 001188013214	Ngày cấp: 12/09/2019	Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010-2015	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	Trưởng nhóm kiểm toán
2015- Nay	Công ty Cổ phần SCI E&C	Phó phòng TCKT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	
- Số cổ phần nắm giữ	6.851 cổ phần, tỷ lệ: 0.02 % ✓ Sở hữu cá nhân: 6.851 cổ phần, tỷ lệ: 0.02 % ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.2.1. Ông Quản Thanh Sơn – Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	11/10/1984	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- CMND số 001084018158	Ngày cấp: 19/09/2016	Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 ÷ 4/2010	Ban KTKH Xí nghiệp 1 – Công ty cổ phần Sông Đà 909	Chuyên viên
5/2010 ÷ 10/2010	Phòng KTKH Công ty cổ phần Xây Dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Chuyên viên
11/2010 ÷ 12/2013	Phòng KTKH kiêm Đội phó Đội xây lắp số 3 Lai Châu – Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Phó trưởng Phòng
01/2014 ÷ 14/05/2014	Phòng KTKH – Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Phó trưởng Phòng
15/05/2014 ÷ 21/06/2015	Phòng KTKH – Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Trưởng Phòng
22/06/2015 ÷ 07/07/2015	Phòng KTKH – Công ty cổ phần Sông Đà 909 (nay là Công ty cổ phần SCI)	Phó trưởng Phòng
08/07/2015 đến nay	Phòng KTKH – Công ty Cổ phần SCI	Trưởng Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
	✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
	✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.3. Ban Tổng Giám đốc

Bảng 28: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

13.3.1. Ông: Nguyễn Văn Phúc – Tổng Giám đốc (như trên)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc	1966	112368321
2	Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	1975	013243492
3	Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	1978	034078000022

13.3.2. Ông: Đoàn Thế Anh – Phó Tổng Giám đốc (như trên)

13.3.3. Ông: Phạm Văn Nghĩa – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	1975	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- CMND số 013243492	Ngày cấp: 30/10/2009	Nơi cấp: CA thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy lợi	

Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1998 – 06/2002	Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà	Chuyên viên
06/2002 – 06/2010	Trung tâm tư vấn xây dựng 1, Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà	Phó giám đốc
06/2010 – 11/2017	Trung tâm tư vấn xây dựng 1, Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà	Giám đốc
11/2017 đến nay	Công ty cổ phần SCI	Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Tổng Giám đốc	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
	✓ <i>Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %</i>	
	✓ <i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %</i>	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.4. Kế toán trưởng

13.4.1. Ông: Phan Dương Mạnh – Kế toán trưởng

- Giới tính	Nam
- Ngày sinh	27/06/1987
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh

- CMND số 040087000209	Ngày cấp: 15/06/2016	Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2009 - 6/2010	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)	Nhân viên
07/2010 - 07/2015	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	Kiểm toán viên
8/2015 - 04/2016	Công ty Cổ phần FECON	Chuyên viên
5/2016 – 11/2017	Công ty Cổ phần SCI E&C	Phó phòng TCKT
12/2017 – 9/2019	Công ty Cổ phần SCI E&C	Kế toán trưởng
10/2019 đến nay	Công ty Cổ phần SCI	Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
	✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
	✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0 %	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

14. Tài sản

Bảng 29: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại 31/12/2017

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	39.087.251.425	26.583.618.701	12.503.632.724
1	Máy móc, thiết bị	19.963.241.095	12.483.912.120	7.479.328.975
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	19.026.833.057	14.002.529.308	5.024.303.749
3	Thiết bị, dụng cụ quản lý	97.177.273	97.177.273	0
II	Tài sản cố định vô hình	342.500.000	245.625.049	96.874.951
1	Phần mềm máy tính	250.000.000	153.125.049	96.874.951
2	Nhãn hiệu thương hiệu	92.500.000	92.500.000	0
Tổng cộng		39.429.751.425	26.829.243.750	12.600.507.675

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2017 của Công ty

Bảng 30: Tài sản cố định của Công ty hợp nhất tại 31/12/2017

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	273.690.234.490	105.320.133.972	168.370.100.518
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	6.798.165.240	4.422.963.687
2	Máy móc, thiết bị	162.079.861.267	57.176.581.337	104.903.279.930
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	99.704.434.652	40.750.511.579	58.953.923.073
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	684.809.644	485.146.658	199.662.986
5	Tài sản cố định khác	0	109.729.158	-109.729.158
II	Tài sản cố định vô hình	342.500.000	245.625.049	96.874.951
1	Phần mềm máy tính	92.500.000	92.500.000	0
2	Nhãn hiệu thương hiệu	250.000.000	153.125.049	96.874.951
Tổng cộng		274.032.734.490	105.565.759.021	168.466.975.469

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 của Công ty

Bảng 31: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2018

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	38.842.034.791	28.908.455.124	9.933.579.667
1	Máy móc, thiết bị	19.963.241.095	14.283.134.890	5.680.106.205
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.781.616.423	14.528.142.961	4.253.473.462

3	Thiết bị, dụng cụ quản lý	97.177.273	97.177.273	0
II	Tài sản cố định vô hình	342.500.000	258.125.053	84.374.947
1	Phần mềm máy tính	250.000.000	165.625.053	84.374.947
2	Nhãn hiệu thương hiệu	92.500.000	92.500.000	0
Tổng cộng		39.184.534.791	29.166.580.177	10.017.954.614

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty

Bảng 32: Tài sản cố định của Công ty hợp nhất tại ngày 31/12/2018

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	305.571.439.959	135.537.921.930	170,033,518,029
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	7.077.001.137	4,144,127,790
2	Máy móc, thiết bị	190.720.896.098	76.018.177.069	114,702,719,029
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	102.720.405.290	51.862.901.850	50,857,503,440
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	773.009.644	575.308.542	197,701,102
5	Tài sản cố định khác	136.000.000	4.533.332	131,466,668
II	Tài sản cố định vô hình	452.500.000	285.625.057	166,874,943
1	Phần mềm máy tính	202.500.000	120.000.004	82,499,996
2	Nhãn hiệu thương hiệu	250.000.000	165.625.053	84,374,947
Tổng cộng		306.023.939.959	135.823.546.987	170.200.392.972

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018 của Công ty

Bảng 33: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại ngày 30/09/2019

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	34.506.710.791	26.549.575.219	7.957.135.572
1	Máy móc, thiết bị	19.963.241.095	15.433.956.574	4.529.284.521
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	14.446.292.423	11.018.441.372	3.427.851.051
3	Thiết bị, dụng cụ quản lý	97.177.273	97.177.273	-
II	Tài sản cố định vô hình	342.500.000	267.500.056	74.999.944
1	Phần mềm máy tính	92.500.000	92.500.000	-
2	Nhãn hiệu thương hiệu	250.000.000	175.000.056	74.999.944
Tổng cộng		34.849.210.791	26.817.075.275	8.032.135.516

Nguồn: BCTC riêng Quý III/2019 của Công ty

Bảng 34: Tài sản cố định của Công ty hợp nhất tại ngày 30/09/2019

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	1.121.188.374.315	207.077.142.338	914.111.231.977
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	709.355.925.407	28.073.072.317	681.282.853.090
2	Máy móc, thiết bị	265.208.850.879	113.954.709.952	151.254.140.927
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	145.491.588.385	64.229.802.581	81.261.785.804
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	996.009.644	774.224.168	221.785.476
5	Tài sản cố định khác	136.000.000	45.333.320	90.666.680
II	Tài sản cố định thuê tài chính	16.740.000.000	2.754.000.000	13.986.000.000
III	Tài sản cố định vô hình	452.500.000	322.500.064	129.999.936
1	Phần mềm máy tính	202.500.000	147.500.008	54.999.992
2	Nhãn hiệu thương hiệu	250.000.000	175.000.056	74.999.944
Tổng cộng		1.138.380.874.315	210.153.642.402	928.227.231.913

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III/2019 của Công ty

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

15.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 35: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2019

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	% tăng giảm so với 2018
1	Vốn chủ sở hữu	690.848.890.138	853.204.480.138	23,5%
2	Doanh thu thuần	802.809.572.200	1.050.914.000.000	30,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	64.434.422.808	55.282.400.000	-14%
4	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	8%	5%	-38%
5	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Chủ sở hữu (%)	9%	6,5%	-27,8%
6	Cổ tức (%)	5%	5%	0%

15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2019

15.2.1. Dự kiến cơ cấu doanh thu, lợi nhuận các mảng hoạt động năm 2019

Bảng 36: Dự kiến cơ cấu doanh thu, lợi nhuận các mảng hoạt động năm 2019

ĐVT: Triệu VNĐ

TT	Hoạt động	Giá trị ghi nhận doanh thu – lợi nhuận			
		Năm 2018		Dự kiến năm 2019	
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
I	Hoạt động chính	802.810	81.194	1.050.914	67.740
1	Bán hàng hóa	45.430	658	59.470	2.973
2	Cung cấp dịch vụ	2.758	- 200	3.610	180
3	Hợp đồng xây dựng	754.622	80.736	987.834	64.586
II	Hoạt động tài chính	43.467	- 905	56.900	1.138
III	Hoạt động khác	1.721	211	2.253	225
	Tổng cộng	847.997	80.500	1.110.067	69.103

Nguồn: Công ty cổ phần SCI

15.2.2. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận phân bổ cho các quý trong năm 2019 như sau:

Bảng 37: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cho các quý năm 2019

ĐVT: Triệu VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện đến 30/09/2019	Dự kiến Quý 4/2019
1	Tổng doanh thu	1.185.706	249.347
2	Lợi nhuận sau thuế	51.299	12.439

Nguồn: Công ty Cổ phần SCI

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2019 của Công ty, tính đến thời điểm 30/09/2019 tổng doanh thu là 1.185.706 triệu đồng đạt 106,81% so với kế hoạch đề ra năm 2019; lợi nhuận sau thuế là 51.299 triệu đồng đạt 74,24% so với kế hoạch đề ra năm 2019. Đến 30/09/2019, Công ty đã vượt 6,81% kế hoạch tổng doanh thu mà ĐHCĐ thông qua. Với doanh thu từ hoạt động xây lắp từ các dự án lớn như: Công trình Nậm theum, Điện mặt trời Ninh Thuận, Công ty có nhiều khả năng đạt được lợi nhuận theo kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua.

15.2.4. Cơ sở để đạt được kế hoạch nêu trên

Công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong năm 2019 thận trọng dựa trên những hợp đồng, dự án đầu tư đã được ký kết và các hợp đồng, dự án mới trúng thầu và dự kiến trúng thầu trong năm 2019.

Tập trung xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn giỏi, công nhân có tay nghề cao đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc và sự tăng trưởng của Công ty. Bên cạnh đó, đơn vị tiếp tục

đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị hợp lý trên cơ sở năng lực tài chính và yêu cầu của công việc. Mục tiêu cụ thể như sau:

- Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng nhằm đem lại kết quả sản xuất kinh doanh tốt hơn.
- Mua lại các cơ hội kinh doanh thông qua việc đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty có ngành nghề tương đồng phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, đồng thời đầu tư thêm máy móc thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho định hướng hoạt động mới,
- Tập trung vào tìm kiếm các đầu việc, hợp đồng, cơ hội kinh doanh cho Công ty và quản lý tình hình hoạt động thông qua việc giám sát, giao khoán các phần việc cụ thể.

Dự kiến doanh thu, lợi nhuận Quý 3, Quý 4 chủ yếu đến từ hoạt động xây lắp:

- Công trình Nậm Theum
- Điện mặt trời Ninh Thuận

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần SCI. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Cổ phiếu Công ty cổ phần SCI có mã chứng khoán là S99 đã đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với số lượng cổ phiếu chào bán thêm trong đợt chào bán này, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngay sau khi hoàn tất đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung. Thời gian thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu dự kiến là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

18. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

3.1. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 10.197.446. cổ phiếu

- Theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-SCI-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2019 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 10.197.679 cổ phiếu.
- Tuy nhiên, ngày 10/07/2019, Công ty cổ phần SCI đã phát hành: 2.038.563 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông hiện hữu. Điều này dẫn đến tại thời điểm chào bán cổ phiếu, số lượng cổ phiếu thực hiện quyền dự kiến tăng lên 42.829.277 cổ phiếu và để số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán không vượt quá số lượng cổ phiếu chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua thì tỷ lệ chào bán là 21:5.
- Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần SCI đã có nghị quyết số 45/2019/NQ-SCI-HĐQT ngày 04/12/2019 Triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán. Căn cứ tỷ lệ thực hiện quyền đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thì Hội đồng quản trị đã thông qua số cổ phiếu dự kiến chào bán là 10.197.446 cổ phiếu và tỷ lệ chào bán là 21:5.

3.2. Đối tượng chào bán:

- Cổ đông hiện hữu: Là các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền.

4. Giá chào bán dự kiến:

- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá:

- Giá chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty là 10.000 đồng/cổ phiếu, được xác định dựa trên nguyên tắc giảm 40,95% so giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2018 là 16.936 đồng/cổ phiếu (Căn cứ BCTC Hợp nhất đã kiểm toán của Công ty tại ngày 31/12/2018).
- Giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm xây dựng hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 16/08/2019 là 8.400 đồng/cổ phiếu, thấp hơn giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần SCI là 10.000 đồng/cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua và phù hợp theo Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015, Điều 125 Luật Doanh nghiệp.

6. Phương thức phân phối

Phân phối cho cổ đông hiện hữu 10.197.446 cổ phiếu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ thực hiện quyền 21:5, cụ thể như sau:

- Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày hưởng quyền sẽ được 01 quyền mua, 21 quyền mua sẽ được mua 05 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán thêm, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 575 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới chào bán thêm tương ứng là $(575:21) \times 5 = 136,9$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 136 cổ phiếu.

- Trường hợp cổ đông đã lưu ký, Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán - thành viên lưu ký của VSD.
- Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.
- Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định trong thông báo phát hành gửi đến các cổ đông hiện hữu và chỉ chuyển nhượng 01 (một) lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
- Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền mua và tự thanh toán tiền chuyển nhượng.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo phát hành chứng khoán.

Bảng 38: Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cổ đông hiện hữu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng từ UBCKNN	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới Trung tâm Lưu ký (TTLK) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để triển khai	D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp	D+2 đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+11
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D+12
6	Phối hợp cùng TTLK phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+16 đến D+22
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+23 đến D+43

8	TTLK tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa.	D+50
9	TCPH xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+51 đến D+61
10	Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt phát hành.	D+62
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung.	D+64
12	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các cổ đông chưa lưu ký.	D+64

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành tại thành viên lưu ký đó.
- Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua tại Trụ sở Công ty Cổ phần SCI, và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành vào tài khoản phong tỏa của Công ty:
 - Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần SCI
 - Số tài khoản: 45010004687104
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Tây

❖ Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn dư của đợt chào bán (nếu có):

- + Toàn bộ số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số lượng cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với các điều kiện như sau:
 - ✓ Giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
 - ✓ Đáp ứng được tiêu chí lựa chọn: Là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực về tài chính hoặc có khả năng và nguồn lực mà Hội đồng quản trị Công ty xét thấy có thể đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh để mang lại lợi ích cho Công ty trong tương lai.
 - ✓ Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu theo quy định về chào mua công khai được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

- ✓ Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Công ty.
- ✓ Không được chào bán cho các đối tượng là công ty con của Công ty cổ phần SCI.

Công ty cam kết xử lý cổ phiếu không chào bán hết đáp ứng các quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 Về việc quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 Về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

Trong trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư. Số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông để chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu), quyền nhận theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Ngành nghề kinh doanh số: 810 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và 2392 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét của Công ty cổ phần SCI thuộc danh mục những ngành, phân ngành không được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh số 4661 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan) của Công ty cổ phần SCI thuộc danh mục hàng hoá quy định tại Phụ lục số 03 (Dầu thô và dầu đã qua chế biến bao gồm: Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô; Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum...) - Danh mục hàng hoá không được thực hiện quyền phân phối đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính .

Đối với ngành nghề kinh doanh số 7830 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Hoạt động xuất khẩu lao động) của Công ty cổ phần SCI, theo quy định tại Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì chỉ doanh nghiệp có 100% vốn điều lệ tổ chức, cá nhân Việt Nam mới được phép cung cấp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Như vậy, doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài không được cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên quan đến những lĩnh vực trên.

Hiện tại Công ty cổ phần SCI không có bất kỳ sản phẩm, dịch vụ hay hoạt động kinh doanh nào liên quan tới các ngành nghề kinh doanh số: 810 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; 2392 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; 4661 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan); 7830 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Hoạt động xuất khẩu lao động).

Theo danh sách cổ đông chốt gần nhất tại ngày 04/07/2019, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần SCI là 329.649 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0,77 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Do vậy, Công ty không đủ điều kiện để kinh doanh liên quan đến những ngành nghề trên.

Để đáp ứng các quy định và văn bản pháp luật liên quan về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại S99, Công ty cổ phần SCI cam kết:

- Làm việc với các cơ quan chức năng để không làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty trước khi ĐHCĐ gần nhất thông qua việc điều chỉnh và loại bỏ những ngành nghề bị giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài ở mức 0%.
- Điều chỉnh danh mục ngành nghề kinh doanh và loại bỏ ngành nghề số: 7830 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Hoạt động xuất khẩu lao động); 810 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; 2392 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; và ngành nghề kinh doanh số 4661 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán quy định: trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Trong đợt phát hành này, Công ty không phát hành cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài nên tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ không tăng so với tỷ lệ hiện tại. Sau khi thực hiện loại bỏ những ngành nghề bị giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài ở mức 0% tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất thì tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần SCI sẽ được giới hạn ở mức không vượt quá 49%.

11. Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng

- Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu lẻ và số lượng cổ phiếu không đặt mua hết bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) bị hạn chế chuyển nhượng trong

vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Điều kiện về hạn chế chuyển nhượng này không áp dụng đối với cổ phiếu được bảo lãnh phát hành.

12. Các loại thuế có liên quan

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.


13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần SCI
- Số tài khoản: 45010004687104
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Tây

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

Đáp ứng một phần nguồn vốn đầu tư vào Công ty cổ phần SCI – Lai Châu để triển khai các dự án thủy điện nhằm mang lại lợi nhuận lâu dài, bền vững cho Công ty và các cổ đông. Công ty cổ phần SCI – Lai Châu hiện đang triển khai các thủ tục pháp lý để thực hiện đầu tư các dự án: Nậm Lùm 2, Nậm Lùm 1, Nậm Xe.

 Công ty cổ phần SCI Lai Châu:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200085107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 26/10/2015, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 20/09/2019
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tây Sơn, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu Việt Nam.
- Điện thoại: 0968 856 935
- Email: lc@scigroup.vn Website: www.scigroup.vn
- Vốn điều lệ: 130.550.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng*)
- Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc: Đoàn Thế Anh
- Ngành nghề kinh doanh:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
0710	Khai thác quặng sắt
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
1610	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến lâm sản
2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
2394	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, đá, cát sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác.
2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí
2824	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: Sản xuất máy xây dựng
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa các loại máy xây dựng
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
3811	Thu gom rác thải không độc hại
3812	Thu gom rác thải độc hại
3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại
3830	Tái chế phế liệu
3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
4100	Xây dựng nhà các loại
4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
4220	Xây dựng công trình công ích
4290 (Chính)	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.
4312	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Làm sạch mặt bằng xây dựng ; Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn; Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: Chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác

	đổi với mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí ; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự ; Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng ; Hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp
4311	Phá dỡ
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, - Thử độ ẩm và các công việc thử nước, - Chông âm các toà nhà, - Chôn chân trụ, - Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, - Uốn thép, - Xây gạch và đặt đá, - Lợp mái bao phủ toà nhà, - Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, - Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà ; - Thuê cần trục có người điều khiển.
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
4512	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa ô tô
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Kinh doanh phụ tùng ô tô
4542	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh máy xây dựng
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, đá, cát sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác.
4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: Nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. - Bán lẻ dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa

6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện.
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bất động sản: - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ định giá bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ đấu giá bất động sản (Chỉ đạo hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật của công ty); - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản
7010	Hoạt động của trụ sở văn phòng Chi tiết: Quản lý vận hành nhà máy thủy điện
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chuyên giao công nghệ, đầu tư, vận hành, kinh doanh khai thác các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
7710	Cho thuê xe có động cơ
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng.
3510	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

2. Phương án khả thi

Hiện nay, Công ty cổ phần SCI Lai Châu đang thực hiện 3 dự án thủy điện Nậm Lùm 1, Nậm Lùm 2 và Nậm Xe. Các dự án này đều đã được nghiên cứu, đánh giá về phương án khả thi cũng như hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường. Các dự án này đều đã được trình các sở chức năng tại tỉnh Lai Châu, đã được các sở chức năng đánh giá và trình UBND tỉnh Lai Châu cấp quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án với 3 dự án trên. Chi tiết các dự án như sau:

❖ **Dự án Thủy điện Nậm Lùm 2:**

✚ **Mục đích:** Đầu tư xây dựng mới thủy điện Nậm Lùm 2 nhằm sản xuất điện năng, phát điện hòa vào lưới điện quốc gia để phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; tìm kiếm lợi nhuận cho nhà đầu tư, tạo việc làm cho người lao động, góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước, thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn phát triển.

✚ **Cơ sở lý luận và thực tế:**

Công trình thủy điện Nậm Lùm 2 dự kiến được xây dựng trên suối Nậm Lùm thuộc địa phận xã Bản Lang và xã Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Điều kiện tự nhiên (Địa hình, địa chất, khí hậu...) nơi đây là rất phù hợp để triển khai xây dựng nhà máy thủy điện. Cụ thể:

- Suối Nậm Lùm là nhánh suối bờ trái suối Mường So (Nậm So), suối Nậm So là nhánh suối cấp 1 bờ trái sông Nậm Na, suối bắt nguồn ở vùng đồi núi có độ cao trên 2000m thuộc dãy núi Hoàng Liên Sơn và hợp lưu với sông Nậm Na tại địa phận xã Bản Lang,

huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Lưu vực suối Nậm Lụm có nhánh chính là suối Nậm Lụm, các nhánh phụ phát triển đều ở hai bờ suối Nậm Lụm.

- Lưu vực Nậm Lụm có dạng hình cành cây, mở rộng ở thượng lưu và thu nhỏ ở hạ lưu, mật độ lưới sông trên lưu vực khá dày đặc tạo. Lưu vực nằm trong vùng núi cao sát biên giới Việt Trung, xung quanh lưu vực được bao bọc bởi các dãy núi có đỉnh cao từ (1400-3000)m. Độ cao trung bình lưu vực khoảng 1600m, có xu thế dốc nghiêng theo hướng Đông Bắc–Tây Nam với độ dốc trung bình lưu vực khoảng 400%. Sông chảy trong thung lũng hẹp, hai bên bờ dốc đứng, độ dốc lòng sông biến đổi mạnh, tính đến tuyến công trình, độ dốc trung bình lòng sông đạt 90%.
- Ở địa phận Việt Nam, lưu vực sông Nậm Na nói chung và suối Nậm Lụm nói riêng có diện tích đất canh tác rất ít, chiếm khoảng 4 ÷ 5%. Đất nông nghiệp phân bố dọc thung lũng sông, trong đó khoảng 20% là ruộng, còn lại chủ yếu là nương, vườn trồng ngô, đậu và các cây lương thực ngắn ngày.
- Trong năm, khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt: mùa đông khô lạnh, mưa ít, mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều. Mùa đông từ tháng XI–III năm sau, mùa hạ từ tháng IV-X.

✚ **Quy mô công suất dự án:** Thuộc loại công trình công nghiệp, cấp III, nhà máy có tổng công suất thiết kế là 18MW, điện lượng trung bình năm khoảng 63,74 triệu kWh.

✚ **Diện tích đất dự kiến sử dụng:** 37,76 ha.

✚ **Tổng vốn đăng ký đầu tư:** 628.745 triệu đồng. Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 316.925 triệu đồng
- Chi phí thiết bị: 155.654 triệu đồng
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng: 16.245 triệu đồng
- Chi phí quản lý, tư vấn: 41.678 triệu đồng
- Chi phí dự phòng: 28.079 triệu đồng
- Chi phí khác: 70.164 triệu đồng

✚ **Thời hạn hoạt động của dự án:** 50 năm

✚ **Tiến độ thực hiện của dự án:** Khởi công quý I/2018 – quý IV/2021 phát điện, hoàn thành dự án nhà máy đưa vào khai thác sử dụng. Cụ thể:

- Từ QI/2018 – Nay: Đã hoàn thành toàn bộ hồ sơ pháp lý, công tác khảo sát, cắm chỉ giới đất và hoàn thành gần như toàn bộ công tác đền bù GPMB.
- Từ nay – hết QIV/2019: Hoàn thành xây dựng hạng mục phụ trợ, đường thi công.
- Từ QI/2020- hết QIII/2021: Thi công các hạng mục công trình chính
- Từ QIII/2021 – QIV/2021: Phát điện, đưa nhà máy vào khai thác sử dụng

✚ **Cơ cấu nguồn vốn và đối tác tham gia Dự án:** Cơ cấu nguồn vốn của Dự án cụ thể như sau:

- Vốn góp thực hiện dự án: 30% Tổng mức đầu tư sẽ do các cổ đông Công ty cổ phần SCI Lai Châu góp toàn bộ.

- Vốn huy động: 70% Tổng mức đầu tư sẽ được huy động từ nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng (Hiện đã hoàn thành ký kết hợp đồng tín dụng tài trợ cho Dự án với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam).

✚ Các vấn đề về tài chính của Dự án:

Kết quả phân tích, tính toán về hiệu quả đầu tư của dự án cụ thể như sau:

- Giá trị hiện tại thuần của Dự án: 181 Tỷ đồng
- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ của Dự án: 13,20 %

❖ Dự án Thủy điện Nậm Lùm 1:

✚ Mục đích: Đầu tư xây dựng mới thủy điện Nậm Lùm 2 nhằm sản xuất điện năng, phát điện hòa vào lưới điện quốc gia để phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; tìm kiếm lợi nhuận cho nhà đầu tư, tạo việc làm cho người lao động, góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước, thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn phát triển.

✚ Cơ sở lý luận và thực tế:

- Dự án thủy điện Nậm Lùm 1 dự kiến được xây dựng trên suối Nậm Lùm thuộc địa phận xã Bản Lang và xã Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.
- Suối Nậm Lùm là nhánh suối bờ trái suối Mường So (Nậm So), suối Nậm So là nhánh suối cấp 1 bờ trái sông Nậm Na, suối bắt nguồn ở vùng đồi núi có độ cao trên 2000m thuộc dãy núi Hoàng Liên Sơn và hợp lưu với sông Nậm Na tại địa phận xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Lưu vực suối Nậm Lùm có nhánh chính là suối Nậm Lùm, các nhánh phụ phát triển đều ở hai bờ suối Nậm Lùm.
- Nậm So là phụ lưu bờ trái của sông Nậm Na, sông Nậm Na là phụ lưu lớn trong hệ thống sông Đà bắt nguồn từ lãnh thổ Trung Quốc. Phần thượng nguồn lưu vực gồm hai nhánh, nhánh chính bắt nguồn từ dãy núi cao từ 2300 đến 2500 m gọi là nhánh Nậm Xe, và nhánh phụ là nhánh suối Vạn Hồ, đoạn hợp lưu của hai nhánh suối này gọi là suối Nậm Pát và đoạn hạ lưu gọi là suối Nậm So. Lưu vực suối Nậm Lùm phía Bắc giáp với biên giới Việt Trung, phía Nam là đoạn hạ lưu nhập vào nhánh Mường So, phía Tây giáp lưu vực suối Thèn Thèo Hồ, phía Đông giáp lưu vực suối Nậm Xe.
- Vị trí các tuyến công trình thủy điện Nậm Lùm 1 dự kiến nằm ở xã Bản Lang và xã Đào San huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu với tọa độ địa lý như sau:
 - Tuyến đập chính: 103°25'7.5" kinh độ Đông; 22°38'52.5" vĩ độ Bắc;
 - Tuyến đập phụ: 103°24'49.5" kinh độ Đông; 22°39'17.5" vĩ độ Bắc;
 - Tuyến nhà máy nằm cách tuyến đập khoảng hơn 2km theo đường sông về phía hạ lưu có tọa độ địa lý như sau: 103°23'56.82" kinh độ Đông; 22°38'35.13" vĩ độ Bắc;
- Kết quả nghiên cứu cho thấy dự án thủy điện Nậm Lùm 1 có trữ năng 8,0MW, điện năng bình quân năm khoảng 29,315 triệu kWh. Đây là nguồn điện năng rất quan trọng cần khai thác triệt để nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dùng điện, phục vụ mục tiêu phát triển công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, đồng thời có thể khai thác tổng hợp phục vụ phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản và phát triển dân sinh kinh tế.

✚ Quy mô công suất dự án: Thuộc loại công trình công nghiệp, cấp III, nhà máy có tổng công suất thiết kế là 08MW, điện lượng trung bình năm khoảng 28,12 triệu kWh, 02 tổ máy.

- ✚ **Diện tích đất dự kiến sử dụng:** 17,8 ha.
- ✚ **Tổng vốn đăng ký đầu tư:** 275.788 triệu đồng. Trong đó:
 - Chi phí xây dựng: 156.037 triệu đồng
 - Chi phí thiết bị: 69.092 triệu đồng
 - Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng: 5.000 triệu đồng
 - Chi phí quản lý, tư vấn: 13.183 triệu đồng
 - Chi phí dự phòng: 6.543 triệu đồng
 - Chi phí khác: 25.933 triệu đồng
- ✚ **Thời hạn hoạt động của dự án:** 50 năm
- ✚ **Tiến độ thực hiện của dự án:** Khởi công quý II/2020 – quý IV/2022 phát điện, hoàn thành dự án nhà máy đưa vào khai thác sử dụng. Cụ thể:
 - Từ Quý III/2019- Quý I/2020: Khảo sát, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, công tác đền bù GPMB
 - Từ Quý II/2020 – Quý II/2021: Khởi công, thi công đường thi công vận hành, đường dây truyền tải điện 35KV, các hạng mục phụ trợ.
 - Từ Quý II/2021 – Quý III/2022: Thi công các hạng mục công trình chính.
 - Quý IV/2022: Hoàn thành dự án đưa vào khai thác sử dụng.
- ✚ **Cơ cấu nguồn vốn và đối tác tham gia Dự án:** Cơ cấu nguồn vốn của Dự án cụ thể như sau:
 - Vốn góp thực hiện dự án: 30% Tổng mức đầu tư sẽ do các cổ đông Công ty cổ phần SCI Lai Châu góp toàn bộ.
 - Vốn huy động: 70% Tổng mức đầu tư sẽ được huy động từ nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam đã có cam kết về việc cấp tín dụng cho Dự án số 3401/BIDV.HTA-KHDN2 ngày 27/11/2018).
- ✚ **Các vấn đề về tài chính của Dự án:**

Kết quả phân tích, tính toán về hiệu quả đầu tư của dự án cụ thể như sau:

 - Giá trị hiện tại thuần của Dự án: 55 Tỷ đồng
 - Tỷ suất hoàn vốn nội bộ của Dự án: 12,20 %

❖ **Dự án Thủy điện Nậm Xe:**

- ✚ **Mục đích:** Đầu tư xây dựng mới thủy điện Nậm Lùm 2 nhằm sản xuất điện năng, phát điện hòa vào lưới điện quốc gia để phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; tìm kiếm lợi nhuận cho nhà đầu tư, tạo việc làm cho người lao động, góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước, thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn phát triển. Hệ thống đường giao thông phục vụ thi công, vận hành công trình sẽ tạo ra khả năng giao lưu về kinh tế và xã hội của khu vực xây dựng công trình với các trung tâm kinh tế xã hội của địa phương.

✚ Cơ sở lý luận và thực tế:

- Vị trí tuyến công trình thủy điện Nậm Xe dự kiến được xây dựng trên suối Nậm Pát thuộc địa phận xã Nậm Xe huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu.
- Công trình thủy điện Nậm Xe có toạ độ địa lý như sau:
 - Tuyến đập: 103°27'55" Kinh độ Đông; 22°30'59" Vĩ độ Bắc;
 - Tuyến nhà máy: 103°24'46" Kinh độ Đông; 22° 30'44" Vĩ độ Bắc;
- Nậm Pát là nhánh suối thượng nguồn của Nậm So, Nậm So là phụ lưu bờ trái của sông Nậm Na, sông Nậm Na là phụ lưu lớn trong hệ thống sông Đà bắt nguồn từ lãnh thổ Trung Quốc, Phần thượng nguồn lưu vực gồm hai nhánh, nhánh chính bắt nguồn từ dãy núi cao từ 2300 đến 2500 m gọi là nhánh Nậm Pát, và nhánh phụ là nhánh suối Van Hồ, đoạn hợp lưu của hai nhánh suối này gọi là suối Nậm Pát và đoạn hạ lưu gọi là suối Nậm So. Lưu vực suối Nậm Pát phía Bắc giáp lưu vực Ngòi Phát đổ ra sông Hồng, phía Nam là đoạn hạ lưu nhập vào nhánh Mường So, phía Tây giáp lưu vực suối Nậm Lùm, phía Đông giáp lưu vực suối Nậm Han.
- Kết quả nghiên cứu cho thấy dự án thủy điện Nậm Xe có trữ năng 20,0MW, điện năng bình quân năm khoảng 73,85 triệu kWh. Đây là nguồn điện năng rất quan trọng cần khai thác triệt để nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu điện, phục vụ mục tiêu phát triển công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, đồng thời có thể khai thác phục vụ phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản và phát triển dân sinh kinh tế.

✚ Quy mô công suất dự án: Thuộc loại công trình công nghiệp, cấp III, nhà máy có tổng công suất thiết kế là 20MW, điện lượng trung bình năm khoảng 71,52 triệu kWh, 02 tổ máy.

✚ Diện tích đất dự kiến sử dụng: 31,86 ha.

✚ Tổng vốn đăng ký đầu tư: 665.276 triệu đồng. Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 345.335 triệu đồng
- Chi phí thiết bị: 163.567 triệu đồng
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng: 12.000 triệu đồng
- Chi phí quản lý, tư vấn: 39.661 triệu đồng
- Chi phí dự phòng: 28.647 triệu đồng
- Chi phí khác: 76.066 triệu đồng

✚ Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm

✚ Tiến độ thực hiện của dự án: Khởi công quý I/2020 – quý II/2022 phát điện, hoàn thành dự án nhà máy đưa vào khai thác sử dụng. Cụ thể:

- Từ Quý IV/2018 – Quý IV/2019: Khảo sát, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, công tác đền bù GPMB
- Từ Quý I/2020 – Quý IV/2020: Khởi công, thi công đường thi công vận hành, đường dây truyền tải điện 35KV, các hạng mục phụ trợ
- Từ Quý IV/2020 – Quý II/2022: Thi công các hạng mục công trình chính.

- Quý II/2022: Hoàn thành dự án đưa vào khai thác sử dụng.

✚ **Cơ cấu nguồn vốn và đối tác tham gia Dự án:** Cơ cấu nguồn vốn của Dự án cụ thể như sau:

- Vốn góp thực hiện dự án: 30% Tổng mức đầu tư sẽ do các cổ đông Công ty cổ phần SCI Lai Châu góp toàn bộ.
- Vốn huy động: 70% Tổng mức đầu tư sẽ được huy động từ nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam đã có cam kết về việc cấp tín dụng cho Dự án số 2318/BIDV.HTA-KHDN2 ngày 14/09/2018).

✚ **Các vấn đề về tài chính của Dự án:**

Kết quả phân tích, tính toán về hiệu quả đầu tư của dự án cụ thể như sau:

- Giá trị hiện tại thuần của Dự án: 170 Tỷ đồng
- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ của Dự án: 13 %

Bảng 39: Thông tin các dự án

Tên dự án	Công suất	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian thi công	Thời gian dự kiến hoàn thành	Doanh thu dự kiến (tỷ đồng)	NPV (tỷ đồng)	IRR (%)
Nậm Lùm 2	18 MW	628,7	Quý 1.2019	Quý 4.2021	78,274	181	13,20
Nậm Lùm 1	8 MW	275,9	Quý 2.2020	Quý 4.2022	31,644	55	12,20
Nậm Xe	20 MW	665,3	Quý 1.2020	Quý 2.2022	91,537	170	13
Tổng					201,455		

Nguồn: Công ty cổ phần SCI

Theo các chỉ tiêu về hiệu quả dự án như NPV, IRR đều cho kết quả khá cao trong vòng đời của dự án. Như vậy, có thể thấy cả ba dự án thủy điện Nậm Lùm 2, Nậm Lùm 1, Nậm Xe đều đem lại hiệu quả kinh tế.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu

Số tiền Công ty dự kiến thu được từ đợt chào bán là 101.974.460.000 đồng.

2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán là 101.974.460.000 đồng sẽ được sử dụng góp vốn vào Công ty Cổ phần SCI Lai Châu để triển khai các dự án thủy điện ngay sau khi thu được tiền từ đợt chào bán.

- ❖ Công ty cổ phần SCI Lai Châu hiện đang triển khai 03 dự án thủy điện với tổng công suất là 46MW:
 - Dự án Thủy điện Nậm Lùm 2:
 - Thuộc địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu với công suất thiết kế là: 18MW, Tổng mức đầu tư là 628 tỷ đồng. Hiện công ty đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và các hạng mục công trình phụ.

- Hồ sơ pháp lý: Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thủy điện Nậm Lụm 2 tại xã Bản Lang, huyện Phong thổ; Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thủy điện Nậm Lụm 2.
- Dự án Thủy điện Nậm Lụm 1:
- Thuộc địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu với công suất thiết kế là: 8MW, Tổng mức đầu tư là: 275 tỷ đồng. Dự án đã được UBND tỉnh Lai Châu cấp chủ trương đầu tư và đang tiến hành các thủ tục pháp lý để chuẩn bị cho việc khởi công dự kiến trong năm 2020.
 - Hồ sơ pháp lý: Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 06/06/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thủy điện Nậm Lụm 1.
- Dự án Thủy điện Nậm Xe:
- Thuộc địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu với công suất thiết kế là: 20MW, Tổng mức vốn đầu tư là 665 tỷ đồng. Dự án đã được UBND tỉnh Lai Châu cấp chủ trương đầu tư và đang tiến hành các thủ tục pháp lý để chuẩn bị cho việc khởi công dự kiến trong năm 2020.
 - Hồ sơ pháp lý: Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thủy điện Nậm Xe, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ.
- ❖ Dự kiến kế hoạch giải ngân vào các dự án sau khi góp vốn vào CTCP SCI Lai Châu:

Bảng 40: Chi tiết phương án giải ngân vào các dự án

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền
1	Đầu tư Dự án Thủy điện Nậm Lụm 2	50.464.507.199
	- Chi phí xây dựng	50.464.507.199
2	Đầu tư Dự án Dự án Thủy điện Nậm Xe	20.000.000.000
	- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	12.000.000.000
	- Chi phí xây dựng	8.000.000.000
3	Đầu tư Dự án Thủy điện Nậm Lụm 1	31.509.952.801
	- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	5.000.000.000
	- Chi phí xây dựng	26.509.952.801
Tổng cộng		101.974.460.000

Nguồn: Công ty cổ phần SCI

- ❖ Kế hoạch giải ngân vốn cho các Dự án thủy điện tại Công ty Cổ phần SCI Lai Châu:

Bảng 41: Kế hoạch giải ngân vốn cho các dự án

Đơn vị: Đồng

STT	Dự án	TMĐT	Vốn tự có (30% TMĐT)
1	DA Thủy điện Nậm Lụm 2	628.745.023.996	188.623.507.199
2	DA Thủy điện Nậm Xe	665.275.714.286	199.582.714.286
3	DA Thủy điện Nậm Lụm 1	275.787.578.840	82.736.273.652
Tổng cộng		1.569.808.317.122	470.942.495.137

Nguồn: Công ty cổ phần SCI

Bảng 42: Kế hoạch giải ngân dự án Nậm Lụm 2

Đơn vị: Đồng

Quý Năm	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tổng
Năm 2019		87.209.000.000	40.760.000.000	10.190.000.000	138.159.000.000
Năm 2020	22.634.820.864	15.089.880.576	7.643.883.455	5.095.922.304	50.464.507.199
<i>Nguồn tiền thu được từ đợt phát hành</i>	22.634.820.864	15.089.880.576	7.643.883.455	5.095.922.304	50.464.507.199
Tổng					188.623.507.199

Nguồn: Công ty cổ phần SCI

Bảng 43: Kế hoạch giải ngân dự án Nậm Xe

Đơn vị: Đồng

Quý Năm	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tổng
Năm 2019		8.591.000.000	-	-	8.591.000.000
Năm 2020	30.000.000.000	20.000.000.000	-	-	50.000.000.000
<i>Nguồn tiền thu được từ đợt phát hành</i>	20.000.000.000				20.000.000.000
<i>- Chi phí đền bù GPMB</i>	12.000.000.000				12.000.000.000
<i>- Chi phí xây dựng</i>	8.000.000.000				8.000.000.000
Năm 2021	7.983.308.571	29.538.241.714	23.949.925.714	18.361.609.715	79.833.085.714
Năm 2022	6.115.862.857	22.628.692.572	18.347.588.572	14.066.484.571	61.158.628.572
Tổng					199.582.714.286

Nguồn: Công ty cổ phần SCI

Bảng 44: Kế hoạch giải ngân dự án Nậm Lùm 1

Đơn vị: Đồng

Quý Năm	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tổng
Năm 2019	-	-	-	-	-
Năm 2020	19.705.846.456	13.137.230.971	4.964.176.419	3.309.450.946	41.116.704.792
<i>Nguồn tiền thu được từ đợt phát hành</i>	16.798.865.677	11.196.913.784	3.514.173.340		31.509.952.801
- Chi phí đền bù GPMB	5.000.000.000				5.000.000.000
- Chi phí xây dựng	11.798.865.677	11.196.913.784	3.514.173.340		26.509.952.801
Năm 2021	3.309.450.946	12.244.968.501	9.928.352.838	7.611.737.176	33.094.509.461
Năm 2022	852.505.940	3.154.271.978	2.557.517.820	1.960.763.661	8.525.059.399
Tổng					82.736.273.652

Nguồn: Công ty cổ phần SCI

- ❖ Cam kết cấp hạn mức tín dụng của ngân hàng để thực hiện dự án

Bảng 45: Cam kết cấp hạn mức tín dụng của ngân hàng để thực hiện dự án

Đơn vị: đồng

STT	Dự án	Cấp hạn mức tín dụng	Hồ sơ pháp lý
1	DA Thủy điện Nậm Lùm 2	440.121.516.797	Công văn số 3400/BIDV.HTA-KHDN2 ngày 27/11/2018 về việc Cam kết cung cấp tín dụng
2	DA Thủy điện Nậm Xe	465.693.000.000	Công văn số 2318/BIDV.HTA-KHDN2 ngày 14/09/2018 về việc Cam kết cung cấp tín dụng
3	DA Thủy điện Nậm Lùm 1	193.051.305.188	Công văn số 3401/BIDV.HTA-KHDN2 ngày 27/11/2018 về việc Cam kết cung cấp tín dụng
Tổng cộng		1.098.865.821.985	

Nguồn: Công ty cổ phần SCI

3. Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:

Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến là 100%. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào

bán không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những dự án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy vào tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại; hoặc ủy quyền cho HĐQT quyết định bán cho các đối tượng khác (theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019)
- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay vốn ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng.
- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 Toà nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 3868 9566

Fax: (+84 24) 3868 6248

Website: www.kemtoanava.com.vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 4456 8888

Fax: (84-24) 3978 5380

Website: <https://ibsc.vn>

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 14/2019/NQ –SCI- ĐHĐCĐ năm 2019 ngày 27/04/2019, Công ty Cổ phần SCI tiến hành đăng ký chào bán 10.197.446 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 428.292.770.000 đồng lên 530.267.230.000 đồng với mục đích Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần SCI Lai Châu để triển khai các dự án thủy điện.

Công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu 10.197.446 cổ phiếu theo tỷ lệ 21:5 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 hơn 40%.

Có thể thấy rằng, năm 2017, hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn, lợi nhuận sau thuế năm 2017 lỗ 18,56 tỷ đồng, nhưng sang năm 2018 hoạt động thi công xây lắp hiệu quả, các dự án thủy điện do Công ty đầu tư đã hoàn thành và thực hiện phát điện, mang lại doanh thu và lợi nhuận tốt cho Công ty, cụ thể lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty năm 2018 đạt 64,43 tỷ đồng. Với tình hình các triển khai các hoạt động xây lắp hiện tại cũng như hiệu quả dự kiến từ các dự án đầu tư thủy điện sau khi đi vào khai thác sẽ tạo ra nguồn doanh thu, lợi nhuận cao và ổn định cho Công ty. Đây chính là cơ sở để thu hút các nhà đầu tư tham gia đầu tư mua cổ phần Công ty cổ phần SCI.

Bên cạnh đó, với triển vọng thị trường chứng khoán đang có những dấu hiệu phục hồi sau những biến động vừa qua, cùng với kết quả kinh doanh tốt năm 2018 và kế hoạch kinh doanh năm 2019 khả quan của Công ty, Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty có khả năng thành công trong đợt chào bán.

IX. PHỤ LỤC

1. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua phương án chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.
3. Điều lệ công ty.
4. Báo cáo tài chính năm 2017, 2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét .

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN CÔNG HÙNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

A blue ink signature in cursive script, appearing to read "NVP", written over a horizontal line.

NGUYỄN VĂN PHÚC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

A blue ink signature in cursive script, appearing to read "Phan D.M.", written over a horizontal line.

PHAN DƯƠNG MẠNH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

TỔNG GIÁM ĐỐC 



NGUYỄN THỊ TUYẾT